

Sách ebook này dùng để phục vụ đối tượng sinh viên, học viên cao học, nghiên cứu sinh... và những độc giả chưa có điều kiện mua sách.

Vui lòng không sử dụng file vào mục đích thương mại.

Nếu có khả năng, mời quý độc giả đặt sách giấy để ủng hộ công tác của thư viện.

Chân thành cảm ơn!

THƯ VIỆN HUỆ QUANG

116 Hòa Bình, Hòa Thạnh, Tân Phú, TP. HCM

Website: thuvienhuequang.vn

PHẬT LỊCH 2.506

HỘ PHÁP LUẬN

BIÊN MINH
(NHO GIÁO VÀ PHẬT GIÁO)

Tác giả : Tiên sĩ Trương Thương Anh

Dịch giả : Tu Sĩ Thích Tuệ Hải

HƯƠNG QUANG

Xuất Bản

1962

*Kính dâng : Tam bảo chứng minh
Sư Trưởng, Phụ Mẫu*

Tri ân : Thiên đạo, trí thức.

Lời đầu sách

Cổ nhân nói : "Không nghi thì không ngộ, đại nghi thì đại ngộ". Song Nghi và Ngộ tính nó vốn không, ví như trở bàn tay. Nghi là nghi tự ở tâm tính mình, và Ngộ, cũng là ngộ ở tâm tính mình.

Ông Trương Thương Anh, tự là Thiên Giác, đạo hiệu là Vô Tận cư sĩ, người đất Tân Tân, châu Thục, đỗ tiến sĩ, làm quan Thừa tướng, đời vua Anh Tông, niên hiệu Trị Bình nhà Tống, cũng từ chỗ nghi ngộ mà đến chỗ tin ngộ.

Một hôm ông vào chùa thấy tượng Phật trang nghiêm, kinh sách chỉnh đốn, ông liền cảm giận nói rằng : Đạo Khổng, Mạnh của ta há chẳng bằng tôn giáo người nước Hồ (ám chỉ miền Ấn Độ) ư ?

Đêm đó ông trở về định làm tập luận Vô Phật (biện minh lý lẽ không có Phật). Vợ ông là người họ Hương, tin hiểu đạo Phật, thấy vậy liền hỏi rằng :

Đêm đã khuya sao ông chưa đi ngủ, còn cầm bút làm gì ?

Ông đáp : Tôi định làm một tập luận nói về sự không có Phật.

Bà nói : Phật đã không có làm gì còn có Luận.

Ông im lặng không nói năng gì.

Lại một hôm nhân vì việc công, ông vào một ngôi chùa, thấy bộ kinh Tịnh Danh để ở nhà thờ tổ, ông mở ra xem, thấy trong đó có câu : "Tòng si hữu ái tác ngã bệnh sinh, thị bệnh phi địa đại, diệc bất ly địa đại, thủy, hỏa, phong đại diệc phục như thị". Nghĩa là : Từ chỗ si mê mà có ra tham ái, và do đó mà bệnh "ngã chấp" phát sinh, bệnh ngã chấp ấy chẳng phải do nơi đại Địa, cũng chẳng lìa khỏi đại Địa, cho đến đại Thủy, đại Hỏa, và đại Phong cũng đều như thế".

Ông liền khai ngộ, từ đó lòng nghi ngờ tan dần, ông liền làm ra bộ luận Hộ Pháp này để báo đền ơn Phật.

Nội dung bộ luận này không ngoài sự viện dẫn bản ý của đức Như Lai, những cơ duyên ứng hiện của Thánh hiền so sánh những điểm nông, sâu trong tam giáo, biện minh chỗ nhầm, phân tích chỗ ngờ,

nêu rõ nhân-quả rành rẽ, và sự cảm ứng minh bạch. Nghĩa là : hướng về mục đích "Tự giác, giác Tha, tức Tâm thị Phật", mong cho chúng sinh giác ngộ, đừng để mê mờ mất tính thiêng liêng của mình. Đạt được mục đích ấy rồi, thì dù "Hương đài, sắc tướng, ngọc trục, linh văn" (ám chỉ hình thức chùa, tượng, kinh sách) cũng chỉ là mượn cảnh để minh tâm mà thôi.

Ai hay tự tin bản tâm, tất nhiên sẽ tỏ ngộ được Phật chứng ngay nơi tâm mình. Thế nên, bất luận người ở thế gian, hay xuất thế gian, cần nên tự xét, để đoạn nghi sinh tín, chính hướng đạo Vô thượng Bồ Đề, thì bộ Luận này rất có lợi ích cho thế giáo vậy.

Luận này nguyên bản Hán văn, nay dịch ra Việt ngữ, để công hiến quý vị đọc giả bốn phương, mong góp phần nào vào việc hoằng dương chính pháp.

Trong khi dịch thuật chắc chắn không tránh khỏi sự thiếu sót sai lầm. Kính mong các bậc Cao-minh, Thiện trí thức từ bi chỉ giáo.

Sài thành mùa An Cư năm Nhâm Dần 2.506.

Dịch giả Căn Chí

THÍCH TUỆ HẢI

LỜI NGUYÊN TỰA.

Thiên hạ không có hai "Đạo"; thánh nhân không có hai "Tâm". Song, Đạo sinh ra trước trời đất, suốt xưa nay thường còn mãi.

Bậc Thánh nhân được lẽ chân thật của Đạo để sửa mình, còn chất thừa thãi của Đạo đem ra trị thiên hạ, quốc gia, há không có hiệu quả lớn lao ư?

Vì vậy các bậc Thánh nhân dù sinh ở Trung quốc, hoặc sinh ở Tây phương; hoặc sinh ở nơi man rợ phương đông, hay ở nơi man rợ phương tây; tuy nơi sinh có khác, nhưng sự được lẽ chân thật về Đạo của các ngài thì in hợp như nhau, chưa từng có chút nào sai khác vậy.

Đức Phật giáng sinh ở phương Tây, được đạo chân thật để sửa mình : lấy Tịch diệt làm an vui.

Ngài tự chứng được "Diệu hữu Chân không tròn sáng rộng lớn" không thể nghĩ bàn được.

Đức Khổng Tử cho rằng : Phật là Đại Thánh nhân ở phương Tây, Đức Khổng Tử là Thánh nhân, làm thầy muôn đời, há lời nói của Ngài là lời nói suông ư ?

Ngài tôn kính đức Phật như thế, mà những học trò đức Khổng Tử, không tin lời nói của đức Khổng Tử, lại đem lòng chê bai thì có khác gì chê đức Khổng Tử, và cũng như lời Ngài từng nói : "những kẻ đó đều chẳng phải là đồ đệ ta vậy".

Ông Vô Tận cư sĩ đã đi sâu tới chỗ uyên nguyên của Đại Đạo, thấu suốt đạo Nho và đạo Thích chỉ là một không hai. Nhưng, thương cho kẻ học thức ở thế tục tối tăm, chẳng hiểu ngộ chân tính nơi mình, đến nỗi trong sự động dụng hàng ngày, giáo giở tưởng càn, nên chẳng tìm vào được cửa đạo lý : lại đem lòng bực bội sâu xa, khua môi uốn lưỡi, chuyên lấy việc bài Phật làm hay, rồi tự đem so sánh công của thầy Mạnh Tử chống đối với họ Dương, họ Mặc; khiến đời sau khen ngợi, cho đó là đồ đệ của Thánh nhân. Kẻ học thức như mù như điếc ấy, há chẳng dối tâm ư ? Dối tâm tức là dối trời, thì luận Hộ Pháp này há dùng nên làm được ư ?

Xét lời nghị luận của luận này cứng rắn, chính đáng cùng lấy những điều nghiêm minh, dẫn chứng thành thật, phô bày rõ ràng đầy đủ, sáng như mặt trời, tin như bốn mùa chẳng phải sự siêu thoát ở trong lòng, đã trùm suốt lẽ cốt yếu nhiệm mầu của Chí đạo, thì sao hay đạt được đến chỗ liễu ngộ ấy.

Vì vậy bộ Luận này có thể giải thích sự ngờ vực của thiên hạ ; ngừng chê bai của thiên hạ, thật là cái tiêu chuẩn cho kẻ học thức mai sau vậy.

Thầy Mạnh tử nói : "Suốt hết được Tâm thì biết được Tính, biết được Tính thì biết được lẽ Trời". Với Phật thì "Thẳng trở lòng người, thấy tính thành Phật", không khác gì vậy.

Phật lấy "Giới, Định, Tuệ" làm sự quan yếu lớn của đại đạo. Nhà Nho lại nói : "Ngăn giận, dứt dục, là Giới; lặng lẽ bất động là Định; cảm mà thông suốt những sự trong thiên hạ là Tuệ". Ba điểm đó Nho và Thích há chẳng tương đồng ư ?

Những lời nói được chép trong sách vở đều là căn bản của cổ nhân. Nếu đọc những căn bản ấy, mà không hiểu ý chỉ then chốt của Thánh nhân, có khác gì kẻ quay mặt vào tường. Ba nghìn học chúng ở chốn Hạnh Đàn, người hiểu được đạo của đức Khổng

phu Tử chỉ có mình thầy Nhan Hôi, nhưng vẫn còn chưa đạt tới một khoảng cao siêu cùng cực. Trăm vạn đồ chúng trên hội Linh Sơn, người ngộ được cơ huyền, chỉ có riêng ngài Ca Diếp mà thôi. Huống là trông về đấng Thánh nhân đã xa cách trong thời gian vài nghìn năm rồi, nghe phong độ của Ngài, đọc sách vở của Ngài, ai cũng đều muốn đạt tới lãnh vực Thánh nhân thì chẳng cũng khó vậy ? Đời nay nếu còn có sự thích nghi với tà thuyết, sự bàn ngang còn thịnh hành, thì luận Hộ Pháp này thật không thể bỏ được vậy.

Niên hiệu Càn Đạo, rằm tháng sáu, năm Tân Mão, đất Nam giản, Vô Ngại cư sĩ : Trịnh hưng Đức
Dư kính soạn.



HỘ PHÁP LUẬN

Tác giả : Tiên sĩ Trương Thương Anh

Dịch giả : Tỳ Khưu Thích Tuệ Hải

Dức Không Tử nói : "Buổi sáng được nghe đạo buổi tối chết cũng nên vậy". Ngài lấy "Nhân, Nghĩa, Trung, Tín" làm đạo ư ? Thì đức Không Tử vẫn sẵn sàng có Nhân, Nghĩa, Trung, Tín. Ngài lấy phép "Tràng sinh thấy mái" làm đạo ư ? Thì Ngài mới nói là buổi tối chết cũng nên vậy.

Quả vậy, Ngài câu nghe đạo nào ? Há chẳng phải là câu đạo "Vô Thượng Bồ Đề, rõ lòng thấy tính, của đấng Đại Giác Từ Tôn ư ?" Nếu không, sao thấy Liệt Tử lại dám bảo đức Không Tử rằng : Kỳ tôi nghe nói ở Tây phương có đấng Đại Thánh Nhân

"không trị mà vẫn không loạn, không nói mà người ta tự tin theo, không dạy mà người ta tự làm, danh vang khắp muôn dân không đâu là không hay biết". Thầy Liệt Tử là học trò đức Khổng Tử, ghi nhận lời đó thì tin thật chẳng dối vậy.

Đức Khổng Tử là bậc Thánh nhân còn tôn sùng đạo, mà nay kẻ học đức Khổng Tử, chưa từng đọc sách trăm mười quyển, đã vội lấy việc bài Phật làm cần cấp, những kẻ đó là thế nào ? Há phải riêng mình đức Khổng Tử tôn trọng đạo Phật ? Đến cả những bậc thần kỳ trên dưới đều tôn thờ sùng bái; nay kẻ phàm phu lại ngông cuồng chê bai, tự làm mờ mất tính thiêng liêng của mình, thật đáng thương lắm thay !

Ông Hàn Dũ nói : Những người chép sử, nếu không có nhân họa thì cũng có thiên hình, há chẳng nên sợ hãi mà lại khinh thường ? Sở dĩ, người chép sử, họ chỉ nhận xét những dấu vết xác thực mà chép ra còn có họa với hình; huống chi vô cơ mà khinh rẻ chê bai bậc đại thánh nhân ?

Vả lại, người đời từ bao nhiêu kiếp tới nay, chìm đắm ở mọi chốn, nay may mắn nhờ chút duyên lành được làm thân người, sống lâu hay chết non những chưa nhất định. Vì dù có sống đến tuổi thuận nhĩ

(60 tuổi), tông tâm (70 tuổi), cũng chỉ là tạm gửi thân này ở chốn nhân gian mà thôi. Bởi vì căn lành kém cỏi lại chẳng hay gần gũi đạo Cứu kính, giây phút cái già đem tới, làm người sống sông chết giạt, thật đáng thương đau cho mình ! Thế mà lúc thư nhàn lại để cho nghiệp thức vô minh giông giở, tạo ra những đầu mối dối trá, để dụ dỗ lũ bất tín đời sau. Làm trái đạo chính đi theo nẻo tà, đến nỗi cùng vào đường ác, tội nhiều đến mất mình, há chẳng nên thận trọng ?

Vả lại, đức Phật cần phải cầu gì ở đời ? Ngài chỉ đem lòng "*Từ Bi rộng lớn, nguyện lực sâu dày*", và thương hết thấy chúng sinh đi lại vòng quanh trong sáu ngã, chịu biết bao nỗi khổ não, không giờ phút nào ngừng nghỉ. Bởi vậy, Ngài từ cung trời Đâu Xuất, thị hiện vào nhà vua Tịnh Phạn, làm ngôi Thái tử bậc nhất, đạo đức, văn võ đoan nghiêm lạ thường, chưa từng thấy có ở trong hàng Thánh nhân. Vào khoảng tuổi Nhược quán, (tuổi 20) Ngài rời bỏ ngôi Kim-Luân báu, xuất gia tu đạo, thành ngôi Chính Giác, làm thầy cõi trời cõi người, tùy cơ diễn nói ra ba thừa năm giáo; cuối cùng, Ngài đem "chính pháp nhơn tạng Niết Bàn Diệu Tâm" phó chúc cho ông Đại Ca Diếp làm giáo ngoại riêng truyền, và lại đem

truyền trao lẫn cho nhau, để tiếp dắt hàng thượng thừa căn trí.

Bởi vậy bản triều ta, vua Thái Tông Hoàng đế làm bài tựa kinh Kim Cương Bát Nhã rằng : *Than ôi ! "Nghệp ít bởi chẳng tu, thương kẻ ngu si cương cường cố chấp, chẳng phải chỗ hiểu biết của kẻ hạ căn, vì kiến thức của họ nông cạn, làm sao có thể hiểu thấu được".* Lớn lao thay ! Lời nói của bậc Đại Thánh nhân rất đáng tin phục.

Nhất là từ khi Phật pháp truyền vào cõi Chấn Đán (Trung quốc) trở đi, "*Đại tạng giáo thừa*", không nơi nào là không có. Cho nên ta thường nói : Những kẻ muốn bài xích tôn giáo ấy, hãy nên đọc hết các kinh sách của đạo ấy, tìm hiểu sâu vào lý của nó, rồi xét xem chỗ nào không hợp với đạo Nho của ta, cùng với kiến thức của người học Phật, phân tích chỗ nghi, biện minh chỗ hoặc, rồi sau hãy bài xích, thì mới nên vậy. Nay lý chẳng thông, đã vội chê bai có khác gì con chim én cười cá côn, chê chim bằng ; nắm buổi mai khinh cây tùng, chê cây bách vậy.

Ông Âu Dương Tu nói : "*Đức Phật hay làm những việc không có thực nghiệm*". Có lẽ những lời ông nói chỉ là điều không suy nghĩ. Con người vốn từng tạo ra điều cần dối ấy, tâm họ há phải là thế

nào ? Nếu thực vì sự đói rét mà chu cấp, chỉ khỏi được hoạn nạn mà thôi. Đức Phật lìa bỏ ngôi rất cao quý, giàu sang, vì đạo quên mình, chẳng phải lấy sự đói rét làm cần cấp, cũng không phải để tránh sự hoạn nạn, vậy làm điều dối trá đó để mong cầu cái gì ? Nếu có phải làm ra những điều dối trá ấy, hầu mong dụ dỗ đồ chúng, thì kẻ phàm phu họ còn biết. Sao chẳng xét thân ta mà lại vội thương kẻ sau ta, há đức Phật chẳng biết điều đó ư ?

Xưa nay người đời hơi có cấp nấp những đầu mối dối trá, tất nhiên bị mọi người xa lánh. Huống chi những bậc hiền giả có kiến thức. Còn nếu bảo rằng đức Phật hơi có tâm dối, thì tại sao giáo pháp của Ngài vẫn hay nói tiếp nghìn đời, tràn lan khắp cả mười phương. Dĩ chí trời đất, quý thân ai nấy cũng đều dốc lòng tôn kính; các bậc Bồ tát, La-hán lại đem giáo pháp đó hoằng hóa rộng ra. Thử lấy đó mà suy luận, nếu Ngài hơi có chút tâm dối ấy để mong cầu kẻ phàm ngu thấp hèn tin theo còn không được, huống chi lại hay nhiếp phục được các bậc Thánh nhân đầy đủ thần thông trí tuệ.

Kinh nói : "*Đức Như Lai là bậc Chân ngữ, Thực ngữ, Như ngữ, bất cuống ngữ, bất vọng ngữ*". Nghĩa là : Lời của chư Phật Như Lai nói ra là chân chính,

chất thật, đúng đắn không hề có mấy may dôi trá sai khác.

Lại nói : "Chư Phật Như Lai không nói vọng ngữ. Lời nói đó sáng tỏ như nhật nguyệt thật đáng tin thay".

Thầy Mạnh Tử nói : "Tụng lời vua Nghiêu, làm hạnh vua Nghiêu tức là vua Nghiêu vậy !".

Tôi thì nói : "Đọc tụng lời Phật, làm theo hạnh Phật tức là Phật", còn hiềm gì nữa ư ? Phật Tổ tu hành vào đạo đường tắt nhanh chóng như thế, mà ta lại cho là khó thật đáng thương thay ! Thâu tóm lấy điều cốt yếu mà nói, chỉ có "Giới, Định, Tuệ" mà thôi. Nếu ai hay trì giới thì quyết định chẳng sa vào ba đường; nếu ai hay Định lực được, thì quyết định thành công, vượt ra ngoài sáu cõi; nếu ai hay Định và Tuệ được tròn sáng thì đến chỗ thấy biết của chư Phật vào ngôi Đại thừa có khó gì vậy ?

Kinh Thi nói : "Đức nhẹ như mây lông mà người dân ít ai hay cất nhắc được", ý đó nghĩa như thế nào?

Ông Hàn Dũ với tổ Đại Diên, hai người cùng nhau đàm luận qua lại đến vài nghìn câu, bỗng nhiên tổ Đại Diên hỏi ông Hàn Dũ rằng : "Ông tự xét mình

xem sự học vấn hiểu biết của ông, có được như ông Phật Đồ Trưng nhà Tấn chẳng? Ông La Thập nhà Diêu Tân chẳng? Ông Bảo Chí nhà Tiêu Lương chẳng?

Ông Hàn Dũ đáp : Tôi so với những bậc ấy thì không thể sánh kịp vậy.

Tổ Đại Điền nói : Sự học vấn hiểu biết của ông không bằng những người kia, mà những việc của các người kia làm ông lại cho là trái, nghĩa đó thế nào?

Ông Hàn Dũ lặng thinh không dám trả lời. Đó là công luận trong thiên hạ, đức Phật há làm phương ngại đến việc người đời ư? Cho nên trong kinh Kim Cương Bát Nhã đức Như Lai nói : *"Tất cả các pháp đều là pháp của Phật"*.

Bài kệ kinh Duy Ma Cật nói : *"Kinh sách chú tâm thuật, thợ khéo mọi nghề nghiệp, những việc hiện hành đó, đều giúp ích quân sinh"*.

Kinh Hoa Nghiêm nói : *"Những nghề nghiệp giúp cho sự sống, đều thuận với chính pháp"*.

Ông Phó Đại Sĩ Bàng Đạo Nguyên, há không có vợ con ư? Như vậy dù thân ở cõi trần lao, mà tâm vẫn thường trong sạch; lại hay chuyển thức thành trí. Ví như người nắm đất nung thành vàng, hết thấy phiền não đều là Bồ-Đề; hết thấy pháp ở thế gian

đều là pháp của Phật. Nếu làm được như vậy thì là tại gia Bồ-Tát. Hiểu hết mọi sự kiện của phàm phu, há chẳng hay lắm sao ?

Ông Âu Dương Tu nói : "Đức Phật là mối lo lớn cho Trung quốc".

Sao nói quá đáng thế ư ? Có lẽ ông không suy nghĩ. Phàm những việc gì có hại cho người đời tất nhiên bị mọi người chán ghét mà trời quả trách đó, làm sao cõi rã có thể được bền chắc ở trong thiên hạ vậy ? Ông Kiệt, ông Trụ là ngôi thiên tử ở Trung quốc, dấu tích tai hại rõ ràng, sau này thiên hạ đều oán ghét đó. Hướng chi đức Phật là người thượng cở ở phương xa, chỉ đem giáo pháp truyền bá vào cõi này, hướng dẫn cho cõi trời, cõi người, như gió thổi cỏ lướt dập xuống. Nếu không phải là bậc Đại Thiện, Đại Tuệ, Đại Lợi ích, đại nhân duyên để cảm hóa khắc phục tâm cõi nhân, cõi thiên, thì làm gì có thể được như vậy. Hết thấy tội nặng đều có thể sám hối, duy có tội phỉ báng Phật pháp đều không thể sám hối được. Lời nói đó rất thành thật vậy. Báng Phật pháp tức là làm mờ mắt tâm mình; làm mờ mắt tâm mình thì như ngói vỡ không thể lành trở lại được; than tro không thể trở thành cây gỗ, có thể sám hối được chăng ?

Đức Phật dạy : "Chỉ có người nào truyền bá chính pháp mới là báo đền ân Phật" Nay trong chốn Phù đồ tuy có hàng trăm nghìn người, mà không một ai mừng tượng được như bậc cổ nhân, tội đó há phải ở Phật pháp ư ? Tội ấy tuy nhiên như vậy, song, lẽ không có ngọc bạch thì không có chỗ sở biểu; nhạc phi chung cổ thì chẳng thành truyền. Nếu không nhờ ở các đồ đệ gìn giữ pháp tắc, thì pháp của Phật hầu như im lặng không mấy ai nghe biết, nương vào đâu mà nói dõ thọ mệnh của Phật ? Những kẻ lạm dụng hình tướng, mặc áo pháp ấy, quả trách đã tự có quý thân; cảnh giác đã tự có quả báo; dương uy đã tự có hình hiển; trừng trị đã tự có quy củ, chúng ta có dự gì vào việc ấy. Nhưng, tới đến đây bỗng còn được hai thuyết :

Ông Tô tử Chiêm từng bảo tôi rằng : Những người họ Thích hệ vào giáo pháp của chư Phật, không thể đối xử với họ như những người thường dân thế tục; thẳng hoặc họ có việc gì đến chốn công môn, thì chúng ta nên đem lời phó chúc làm ý niệm cho họ được rộng rãi hơn. Lại nữa, ông Tăng Phùng Nguyên khi làm quận thú, có người họ Thích bị kiện tụng, phải xét thực tội trạng mà trừng phạt, chứ không thể tha cho họ được. Hoặc có khi khuyên rằng : Giáo

pháp của Phật ủy thác cho các bậc Quốc Vương, đại thần nếu không phạt một người để răn trăm người, thì kẻ làm càn ấy lại càng thêm nhiều. Ngay đời nay muốn cho được chính đốn, mà bọn ta bỏ rơi họ là người thế nào ?

Tôi xét lời nói của hai ông, thì lời của ông Phùng Nguyên được nhiều chỗ sở đắc. Trong đó tuy có kẻ không tốt, thật đáng ghét ấy. Song, "Há họ chẳng nghĩ đến độ điệp nhà vua, chẳng phải dự vào việc chinh chiến là ân của vị nhân chủ sạo ?" Há họ chẳng nghĩ đến người xưa có nói : "một người đi xuất gia chín họ được sinh thiên ư ? Há họ chẳng nghĩ đến việc xa người thân yêu bỏ cõi tục, để làm những việc gì ư ? Há họ chẳng nghĩ đến bóng sáng dễ qua mà đạo nghiệp khó thành ư ? Há họ chẳng nghĩ đến mất đạo chưa sáng mà bốn ân khó trả ư ? Há họ chẳng nghĩ đến hạnh nghiệp chẳng tu, mà tạm nhận sự cung kính ư ? Há họ chẳng nghĩ đến đạo ta chẳng tu, mà ai tu cho ta ư ? Há họ chẳng nghĩ đến, chính pháp hầu mất mà ma pháp thêm nhiều ư ?".

Như xưa kia ông Tô Trước khi gặp Ngài Văn Thù đã có thuyết "Thánh phạm đồng cư, Long xà lẫn lộn", huống chi ngày nay cách thời Phật đã quá xa, còn mong gì được thuần nhứt chẳng cũng khó ư?

Song, phải nghĩ đến lời ký thác trong Đại Tạng giáo pháp của Phật; ví như người đãi cát tìm vàng, bỏ đá kiếm ngọc. Dù trong mười hộc cát được một hạt vàng, cả một núi đá được một tác ngọc người đời còn cho là quý, chẳng những người học Phật như thế, ngay ở thời đức Khổng Tử đã phân ra "Quân tử nho, tiểu nhân nho". Huống chi đời sau người mặc áo nhà Nho, họ Mãn cả ư? Tuy nói là học giả cầu làm quân tử, nhưng làm sao có thể bảo họ là cả quân tử được?

Xét xem từ xưa tới nay, những kẻ cự đạo, gian thần, phản nghịch, giáo dử, phần nhiều đều phát xuất ở kẻ tài cao học rộng, tội đó há phải ở bậc tiên vương thánh giáo ư? Há phải ở kinh sử bất thiện ư? Lấy đó mà thí dụ thì ông Tăng đời mạt pháp tượng giáo, làm mất hàng chẳng giữ pháp luật, tình trạng ấy chưa sao tránh khỏi vậy.

Ông Hàn Dũ nói : Đức Phật chỉ là một pháp của xứ Di dịch (man rợ) từ khi nhà Hậu Hán mới lan tràn vào đất Trung quốc, đời thượng cổ chưa từng có. Từ đời vua Hoàng Đế trở xuống, vua Văn Vương trở lên, người ta không ai sống dưới trăm tuổi, về sau vì thờ Phật nên tuổi thọ giảm dần, tuổi đời càng chóng.

Hẹp hỏi thay ! Ông Hàn Dũ là người tự dối mình vậy, há chẳng nghe thầy Mạnh Tử nói : vua Thuấn sinh ở đất Chư Phùng, rồi dời về đất Phụ Hạ, chết ở đất Minh Điều, là người man rợ phương đông ư ? Vua Văn Vương sinh ở đất Ký Chu, mất ở đất Tát Sính là người man rợ phương tây ư ? Vua Thuấn và vua Văn Vương đều là bậc thánh nhân, làm phép tắc cho thiên hạ đời sau, vậy tại sao có thể lấy người ở đất man rợ để làm phép tắc được ư ? Huống chi đức Phật giáng sinh vào nhà vua Tịnh Phạn, xứ Trung Ấn Độ, trong cõi Nam thiên Bộ Châu, không phải là người ở đất man rợ; còn nếu bảo rằng : đời thượng cổ chưa từng có Phật mà nay chẳng nên theo, thì người Suy-Vưu, Cổ Tâu sinh ở đời thượng cổ, ông Chu Công, ông Trọng Ny sinh ở đời sau này, tại sao không bỏ các thánh hiền nhà Suy Chu đi theo kẻ hung ngoan đời thượng cổ. Hơn nữa, người thượng cổ ở đồng ở lỗ, ăn lông uống huyết, bên trên làm giường, bên dưới làm nhà, tạo ra phương pháp dùi cây lấy lửa, đều chẳng đủ để công dụng cho người đời sau. Nếu bảo rằng người đời thượng cổ sống lâu, người đời sau vì thờ Phật nên tuổi thọ giảm dần, thì chỉ là luận cử "*bị tai nghe trộm lệnh*". Ông Hàn Dũ há chẳng biết việc "ông Ngoại Bính chết năm hai

tuổi, ông Trọng Nhâm bốn tuổi, ông Không Lý, ông Nhan Uyên, ông Nhiệm bá Ngư chết yếu ư ?"

Lại thiên Vô Dật trong kinh Thư nói : "Từ đời Quyết hậu cũng chẳng sống lâu, hoặc có khi lại chóng già; hoặc có khi mười tuổi, bảy, tám tuổi, hoặc năm, sáu tuổi, hoặc ba, bốn tuổi. Mà thời ấy người ta chưa từng nghe thấy danh hiệu Phật pháp. Từ đời vua Minh Đế nhà Hán trở về sau, Phật pháp mới truyền bá vào cõi này. Ngài Nhị tổ đại sư thọ một trăm lẻ bảy tuổi, ngài An quốc sư thọ một trăm hai mươi tám tuổi, ngài Triệu Châu hoà thượng thọ bảy trăm hai mươi giáp tý, há phải lỗi ở Phật pháp đó ư"

Lại nói : Nếu có thể bằng cứ vào lời nói ấy, thì cả họ nhà thân đều thành tro bụi. Đó cũng là những lời để che dấu lỗi mình, còn gì tệ hơn nữa vậy ?

Đức Phật là bậc Đại Từ, Đại Bi, Đại Hỷ, Đại Xả coi người với mình không khác, kẻ oán, người thân như nhau. Như ông Đề Bà Đạt Đa tìm hết cách để hại Phật, mà sau này Phật còn thương, thụ ký cho thành Phật quả. Còn nếu mong cầu họa, phúc, mừng, giận người đời sau cho là thiêng liêng ấy, thì chỉ là những vị quý thân nho nhỏ để mong cầu cúng tế, làm gì được gọi là bậc Đại Từ Bi Phụ ?

Người có độ lượng ở thế gian, khi gặp người có tư cách không may bị phạm lỗi còn dung tha, hướng chi bậc Đại Thánh nhân, tâm bao trùm cả Thái hư, lượng rộng khắp cõi sa giới, thì dù tin hay không tin có tổn hại gì ?

Đức Phật là bậc Đại-Y-vương, hay cho những bài thuốc hiệu nghiệm, người có bệnh tin theo mà uống thời khỏi bệnh; người không tin đem bỏ đi không uống. Như vậy há phải lỗi tại thầy thuốc ư ? Không thể đem chuyện giá rét nói với côn trùng mù hạ, và không thể lấy chuyện bẻ đông nói với ếch ngồi đáy giếng; sự thấy biết của tôi với ông Hàn Dũ cũng khác biệt nhau vậy. Còn nếu bảo rằng vì thờ Phật mà chóng già, bài bác Phật được sống lâu; đời sau này bài bác Phật khá nhiều mà vẫn chết non, việc đó không đủ để nói với kẻ sĩ thứ sao ?

Như vua Vũ Tông đời Đường, cuối tháng tám, niên hiệu Hội Xương năm thứ năm bỏ không theo đạo, đến đầu tháng ba năm thứ sáu thì chết. Cả thảy vừa nửa năm, việc đó ra sao ? và như các ông Lý Bạch, Đỗ Phủ, Lư Đông, Lý Tường đời Đường, chắc ông Hàn Dũ cũng tự biết mình không bằng những người ấy. Song, các người ấy cũng chưa từng bài Phật mà họ vẫn không mất danh cao. Nhân tâm

của mọi người, chỉ ưa cái hợp với họ, và ghét cái gì khác với họ, rồi cho người này là phải, người kia là trái. Hơn nữa, người ở đời chỉ ưa thích những sự xa hoa vừa ý, mà người học, học Phật chỉ cần tu tập những pháp "Thôi lòng lạng lẽ", công việc ấy trái với người đời. Người trí giả nên xét vào *chỗ lý sở thắng, chỗ đạo sở tại*, chứ đâu phải bắt nguồn từ chỗ "*Bỉ thử, thị, phi*" vậy ru ?

Người tu hành ở dưới rừng, ngày một bữa ăn lạng lẽ ngồi thuyền, để gìn giữ quy mô, phép tắc của Phật, xưa và nay đều y vào đó mà thực hành, thì hết thấy đều chứng quả thành đạo. Nhưng thường thấy người đời đều chê bai là không hợp với dòng thế tục. Việc làm của Phật pháp rất công bằng và rộng rãi, há phải dành riêng cho người đi xuất gia cao tóc mặc áo pháp, mới làm được những việc đó ư?

Bởi vậy quan thừa tướng nhà Đường là Bùi Công Mỹ làm bài kệ kinh Hoa Nghiêm, phẩm Pháp Giới Quán rằng : "*Đức Thế Tôn khi mới lên ngôi Chính Giác, Ngài đã than rằng : Quái lạ thay ! hết thấy chúng sinh đều có đầy đủ đức tướng và trí tuệ của Như Lai, chỉ vì vọng tưởng chấp trước, nên chưa thể chứng được. Bởi thế mới xưng là Pháp giới tính*".

Đức Phật nói kinh Hoa Nghiêm là để tùy cơ tiếp dắt, cho nên mới đặt ra nhiều phép : Khai, Gia, Quyền, Biến, chứ không thể chấp nhất mà mong cầu được vậy.

Ông Âu Dương Tu Vĩnh Thúc nói : ở thời kỳ không có Phật, như âm thanh của thiên Nhã, thiên Tụng, kinh Thi, kinh Thư, người dân được nhờ phúc ân như thế.

Ông Vĩnh Thúc chỉ là con người tâm "*hiếu đồng ố dị*", nên mới cho đó là phải. Song, chẳng thông phương lo xa, thì có ích gì ? Nếu hẳn cho rằng việc kết giây làm chính đáng, việc ấy đối với đời này có hợp chăng ? Bởi vì ông không hiểu thấu lý trong thiên hạ, vật gì hiếm hoi mới quý. Nếu khiến tất cả người đời đều là nho sĩ, thì ai chả mong sang, ai chả cầu lộc. Mong cầu càng nhiều thì khởi ra sự tranh giành; khởi ra sự tranh giành thì sinh lòng ghen ghét; sinh lòng ghen ghét thì kẻ đút lót thắng; kẻ đút lót thắng thì sinh ra thù oán; thù oán đã sinh ra thì giam giữ càng nhiều tâm bất tiểu không nơi nào là không đến ; tâm bất tiểu không nơi nào là không đến thì kẻ Nho sĩ cũng không đủ lấy làm quý. Chẳng những kẻ Nho sĩ không đủ lấy làm quý, mà phong độ của kẻ sĩ như thế thì mong sửa trị thiên

hạ cũng khó lắm vậy.

Đức Phật đem giáo pháp phó chúc cho các vị Quốc vương, đại thần mà chẳng dám tự chuyên. Là vì Ngài muốn cho đồ đệ đời sau không có uy quyền, thế lực để tự tôn, không tước lộc để nuôi sống, chỉ có y vào giáo pháp để cầu sống. Đi khát thực là để cho nén dẹp lòng kiêu mạn, đem lòng nhún nhường với hết thảy chúng sinh.

Trong kinh Duy Ma Cật, đức Phật sai ngài Ca Diếp đi thăm bệnh ông Duy Ma Cật trước tiên. Ngài Ca Diếp tự nghĩ rằng : *"Xưa kia ta đi khát thực ở làng nghèo, bây giờ ông Duy Ma Cật lại bảo ta rằng: Chỉ có Ngài Đại Ca Diếp mới giàu lòng Từ mẫn mà chẳng hay phổ cập khắp cả, bỏ nhà giàu đến khát thực nhà nghèo"*.

Ngài Triệu Pháp sư chú rằng : *"Ngài Ca Diếp vì lòng thương người nghèo, là do xưa kia họ chẳng trông phúc lành, nên nay phải sinh vào làng nghèo. Nếu nay họ chẳng chịu tích góp điều lành, thì sau này lại phải chịu nghèo khổ mãi, cho nên ngài mới đến đó xin nhiều hơn"*. Lại nói; khi thấy người tới xin thì tưởng người ấy là bậc thầy tốt.

Ngài Thập Pháp sư chủ rằng : "Bản ý không bố thí, nhân có người đến xin, ta phát tâm bố thí, thì đó là thầy ta". Cho nên tướng là thầy tốt. Không nuôi nấng vợ con, nên ít việc ít sự bận bịu, thì đạo nghiệp mới dễ thành. Thay hình đôi áo xa lìa cõi trần cấu, thì mới có thì giờ để cảnh giác cho mình. Nhưng, tiếc thay cho những kẻ lợi dụng cửa đạo mà kiếm ăn lén lút, chí nguyện của họ hèn kém, chẳng hay theo kịp bậc Cổ nhân, thật đáng thương thay !

Vả lại dạy cho dân làm lành chẳng phải là làm thiện cho giáo ư ? Suốt hết lý tính chẳng phải là làm thiện cho đạo ư ? Những người như thế họ đều y theo vào giáo pháp hành đạo, để mong cầu đến cõi Niết bàn, lấy đó để báo đền an đức; lấy đó để giúp đáng quân thân, chẳng phải rất hay lắm sao ?

Cho nên bậc Thánh quân đời sau, vì đó mà xây dựng chùa chiền, đặt để ruộng vườn, chẳng quên lời phó chúc của Phật. Khiến cho được an tâm hành đạo, tùy phương lập giáo, danh vang ra ngoài tứ dân, thân ở trong chốn lục hòa. Giữ giới thanh tịnh thì là phúc ấm cho cõi nhân, cõi thiên; tâm chân sáng tỏ thì đạo đồng với Phật tổ. Những ân mà mình được hưởng ấy, đều là vua ta ban cho. Nếu hay tinh tu thuyên luật, thì đối với trời đất cũng không hổ thẹn,

và còn làm tiêu biểu cho tất cả chúng sinh; nhỏ thì làm điều lành xa tội lỗi; lớn thì ngộ chân tâm chứng thành quả; trên mơ rộng đạo Vô Vi, ngầm giúp công ân khó trả, thì chẳng phải nhằm làm đệ tử đức Như Lai vậy. Nếu trái với giới luật của Phật Tổ, lạm dụng sự ăn chay, tội há không có chỗ sở quy ư ?

Trên đời có ba vua Vũ, vì nhà vua vin vào lời cầu thỉnh của kẻ bày tội tà ác, mà nảy ra ý nghĩ sắc bén ruồng bỏ đạo; sau khi đã ruồng bỏ rồi, lại làm cho điều ác phát khởi. Ví như gió sương nghiêm khắc với vạn vật cũng chỉ là tạm thời vậy. Thí dụ như sau mùa đông có mùa xuân, lại muốn cho cỏ cây tàn lụi cả, thì phải sau mùa đông không có mùa xuân mới được vậy; còn nếu biết rằng sau mùa đông lại có mùa xuân, thì tội gì gây ra những điều tàn ác cho nhọc mình : mà chỉ nên làm sáng tỏ những điều lành kia, còn với mình có ích gì chẳng ?

Tôi từng quan sát trong bọn đó, thảng hoặc có người tù bỏ ngoi cao, giàu sang, có người thông minh sang suốt, mà họ cũng chẳng biết giàu sang là đáng vui, xuân sắc là đáng mừng, của ngon vật béo, có xe đẹp dẽ, mà vẫn cam lòng ở nơi thâm u tịch mịch; mặc áo vải, ăn cơm rau miến sao cho khỏi đói rét. Ví dù chưa thể đạt được đến đạo lớn; nhưng dần dần

tất nhiên cũng đến được chỗ sở đắc.

Có kẻ luận bàn rằng : rất ghét những người này, không cày ruộng mà có cơm ăn. Họ là người chỉ biết một mà chẳng biết việc khác vậy. Hơn nữa, họ không biết rằng : ở chốn thông đô, ấp lớn, người không cày ruộng mà có cơm ăn ấy, mười phần đến bảy tám phần, cả đến nơi núi rừng, sông, biển, kẻ thảo khấu, trộm cắp, và những nơi chợ búa, phố xá, cùng những kẻ hát xướng, làm thuê, làm mướn, nơi hẻo lánh tà tất, dối quan lậu thuế; trong chốn thân từ miếu mạo, thì kẻ đồng cốt, bói toán, đều như thế cả. Đâu phải chỉ riêng những người thủ hộ tâm thành, mà họ ghen ghét đó ư ? Nay ở trong số hộ tịch của dân, người tự cày bừa cấy cũng có biết bao là đệ tử của Phật, nào phá rừng, đốt cây, trồng cây vun xới, tưới bón, rau trái, cày ruộng, gặt lúa. Chẳng những ở riêng đời này; ngay như xưa kia ngài Địa Tạng thuyên sư cũng tự mình đi cày ruộng; Ngài từng nói : *"Mọi phương nói thuyên đất mênh mông, tranh với ta làm gì, cày ruộng nhiều cơm ăn"*. Tổ Bách Trượng Duy Chính thuyên sư bảo đại chúng khai điền, Ngài nói : *"Đại chúng vì lão tăng khai điền, lão tăng vì đại chúng nói nghĩa đại pháp"*. Tổ Đại Trí thuyên sư nói : *"Một ngày không làm thì một ngày không*

ăn". Tô Quy Sơn hỏi ngài Ngưỡng Sơn rằng : "Hạ này ông làm được những việc gì ?".

Ngài Ngưỡng Sơn đáp : "Tôi cày được một mảnh đất, cấy được một đám lúa".

Tô Quy Sơn nói : "Ông thật không bỏ hư phí thì giờ vậy".

Tổ Đoạn Tế thuyền sư từng tập họp đại chúng đi trồng cây tùng, và cuộc cỏ trà. Tổ Đông Sơn Thông thuyền sư từng tự tay trồng cây tùng ở đỉnh núi Kim Cương, cho nên nay các chôn tùng làm đều còn giữ được nền nếp.

Người Phật tử tuy đông nhiều mà đều chỉ có một thân, ngày ăn bữa cơm bữa cháo, mặc áo vá để ngăn gió rét, sự sở phí rất ít. Vả lại, đã phải chịu ân nhà nước để nói thịnh ngôi Tam Bảo, còn muốn lại phải đi làm ruộng nữa hay sao ? Ngoài sự thuế khóa thường lệ, còn phải chịu những ngạch như : khoa phu, quan khách lui tới, hết thấy đều phải cung cấp; sự chi tiêu hằng năm còn nhiều hơn ở sở của dân. Với việc công tư ấy, tốn biết ruộng nào ?

Tôi từng ghét những bọn quan lại đời nay, chỉ có khuyên suông làm ruộng, mà thực ra là cái tai vạ để áp bức kẻ nông phu. Vả lại, những nguồn lợi

ở đời, một khi có lợi ích chẳng khuyên người ta cũng tự xu hướng. Nay trái với việc công để cầu lợi riêng, lán át mãi chẳng thôi. Hoặc làm những việc không cần thiết để giết chết thời giờ, đó chỉ là đè nén chứ đâu phải là khuyên khích vậy. Nay những người lười biếng mười phần đến bảy tám, người cày ruộng mười phần chỉ độ hai ba. Người cày tuy ít nhưng, nếu thường được tốt, thời lúa đậu cũng nhiều như nước lửa. Năm gần đây hoặc bị hạn hán, hoặc bị lụt lội, không năm nào không có, nên sự thu hoạch khắp nơi tuy tốt mà không có kết quả; năm thường được hai ba phần và có khi mất quá nửa, há phải do người cày cày ít mà lương thực chẳng đủ ư ?

Đức Lão Tử nói : *"Ta không làm mà người dân tự giàu"*. Nếu chẳng phải vì chí hòa khí mà chiêu cảm được mùa, dẫu cày nhiều mà làm gì ?

Năm xấu hay tốt là hệ vào số đời, ý đó do nơi thiên lý và cũng tự nó có chuẩn lượng. Năm thường được mùa thời lúa càng rẻ; người cày cày càng ít, lý do thật rất dễ hiểu. Là một vị tăng phát xuất từ nơi Phật Tổ; có người khổ hạnh, có người mật hạnh, ai nấy đều có chính định, tùy phận giữ đức thường, kháng khí với Giới, Luật, niệm niệm ở Định, Tuệ; bỏ những việc người đời khó bỏ, làm những việc mà

người đời khó làm; coi giàu sang bề ngoài như mây nổi, nhìn sắc, thanh như tiếng vang, cầu đạo mong mỏi về sau đại ngộ, huệ vật không bao giờ quên nghĩ đến chúng sinh. Nay chán các vị Tăng tức là chán Phật Tổ vậy.

Đức Phật lấy "Giới, Định, Tuệ" làm hiệu hạnh: Nghĩa là : "*không sát sinh, không trộm cắp, không dâm dục, không nói dối, không ăn thịt, không uống rượu*", lấy đó làm việc lợi mình lợi người, lòng nhân phổ cập đến mọi loài hàm linh, há chỉ vì cha mẹ đời hiện nay hay sao ? Song vì lòng thương niệm đến hết thấy chúng sinh từ bao nhiêu kiếp tới nay, từng làm cha mẹ tông thân của mình, mới đem lòng bình đẳng mong cầu cho họ được giải thoát, lấy đó làm hiệu há cũng chẳng hơn lắm sao ? Vả lại, dù thông minh đến đâu cũng không chống nổi định lực, giàu sang há hay tránh khỏi luân hồi, núi đồng có bổ ích gì cho sự chết đói ? Hang vàng có nghe thấy đến kẻ coi giữ lâu năm than vãn ? Tôi thêm đỗ đến hàng cao giáp, làm chức Thánh triều Tể tướng, với sự danh lợi ở thế tục còn có hiềm gì ? Nhưng lòng chỉ đau đáu hệ niệm như thế, là vì muốn mình được vô cùng an lạc.

Lại nghĩ rằng : "Nhân sinh là huyễn hóa, không bằng bọt nước tung tan; trong khi năm uẩn được hoàn toàn, mà không biết nghe đạo" há chẳng đáng thương lắm thay ! Nếu ở đời lại có đạo nào hơn đạo "Chân Như Niết Bàn", khả dĩ cho lòng tôi tin được, thì tôi há chẳng bỏ đạo này mà theo đạo kia sao ? Chán ghét sự nghèo nàn, muốn được giàu sang, sợ chết ham sống, sự ăn uống, trai gái, ruộng vườn của cải, việc đó người đời đều biết cả, mà người quân tử chẳng cho là quý, cái quý của người quân tử là đạo "cao siêu nhiệm mầu". Hoặc có người bảo tôi rằng : những vị tăng là người hủy hình chán đời, mà ông lại giúp đỡ là nghĩa thế nào ?

Sở dĩ tôi chân thành như thế là để bảo tồn di phong của Phật Tổ, chứ đâu phải thương ai. Ông há chẳng nghe thầy Mạnh Tử nói : "Con người lúc còn niên thiếu thời yêu mến cha mẹ, khi biết hiếu sắc thời ưa mến sắc đẹp; ai bảo rằng sửa khăn vấn tóc mà đi lấy chồng ấy là hiếu tử hiền nhân ?".

Kẻ thế tục đời nay chỉ cờ bạc rượu chè, ngang ngạnh, tranh đua nhau để làm nguy cho cha mẹ, thường thường đều như thế cả. Tại sao chỉ nhìn bề ngoài mà chẳng biết luận đến nội tâm ư ? Xưa kia có người toan làm luận Vô Phật, còn gì tệ hơn là tự

che dấu lỗi mình vậy.

Nay thì trời đất trăng, sao, sấm, sét, mưa, gió thật rõ ràng như ở trước tai, mắt người, há không phải có chủ trương ? Bậc thần kỳ, miếu mạo ở chốn danh sơn đại hải phải chẳng không có ư ? Những tà tinh, yêu quái, quỷ thần bé nhỏ ở cõi nhân gian còn được kính cẩn, tin tưởng đó là có, mà riêng đối với đức Phật lại nghi kỵ là thế nào ? Từ bao nhiêu kiếp tới nay. Ngài tu hành khổ hạnh, mới thành ngôi chính giác, làm bậc Chí Thánh trong cõi trời, cõi người. Pháp thân của Ngài sáng suốt đầy đủ tỏa khắp cõi đại thiên sa giới, mà lại bảo là không có được ư ?

Kinh Đại Tập nói : Thiên tử chúa nhà Thương hỏi Phật rằng : "Bạch đức Thế Tôn ! Khi Ngài còn tại thế có người cúng dàng thì đức Thế Tôn nhận lãnh cho, người cúng dàng đó được công đức. Sau khi đức Thế Tôn diệt độ cúng dàng bằng hình tượng thì ai là người nhận lãnh ?"

Đức Phật dạy : "Pháp thân của chư Phật Như Lai dù có tại thế hay sau khi diệt độ, có ai cúng dàng thì phúc đó đều bằng nhau".

Kinh Hoa Nghiêm nói : "*Phật lấy pháp làm thân lằng lằng như hư không*". Tuy nhiên chư Phật là danh của Đạo, nhưng chỉ là phương tiện khéo léo để tiếp dắt chúng sinh. Nếu cho đó là không, thì sa vào không kiến của ngoại đạo, đoạn kiến của ngoại đạo, tự làm cho mình mê muội, chối bỏ mất thân mình thật đáng thương thay !

Như Tổ Vân Môn đại sư nói : "Khi thấy người nào cầm gậy đánh chết, mà đem cho muông cầu đó ăn, người ấy thuộc về Đại thừa tiên giác. Để cõi trời bỏ buộc, khiến cho thôi cố chấp, tan nghi ngờ, kẻ mới học kia vượt bậc được sao ? Đây là nói với người trí giả, chứ không phải nói với kẻ ngu si. Đạo giáo được mở rộng và thịnh vượng là nhờ có bậc Thánh nhân đầy đủ thân thông trí tuệ. Tin theo đó thì có bậc hiền triết đại căn khí, và cả đến thiêng liêng như trời đất, quý thần, không ai là không kính mến, há chẳng rõ đó ư ?

Đại để người được ưa tôn sùng ấy, tất phải tùy theo từng loại, mà người theo ấy phải tùy từng người. "*Bát nhã chánh tri, Bồ Đề chân kiến*", đâu phải những người phàm thường có thể ngộ nhập được vậy. Cho nên ông Đông An Sát nói : Bậc tam hiền còn chưa hiểu rõ được ý ấy, hàng Thập thánh làm sao đạt

được tông này. Ngôi Bích Chi, Duyên Giác và hàng tứ quả Thanh Văn còn chưa được dự vào bậc đó. Huống chi những kẻ hẹp hòi thấp kém. Ở ngôi Thánh thì làm Đại thừa Bồ Tát; ở cõi trời thì làm Đế Thích, Phạm vương; ở cõi người thì làm Đế vương, công hầu. Thượng căn đại khí, công thành danh toại; ở trong tăng, tục cũng đã có linh cốt xưa kia. Người đời có độ lượng siêu quần xuất chúng mới có thể thấu triệt được lý ấy.

Cổ nhân nói : "Nghe mà không tin còn có thể kết làm duyên lành để nối dòng Phật chủng, học mà chưa thành còn làm cho cõi nhân thiên được thêm phúc lợi". Nhưng tiếc thay kẻ ngu si mà không chịu học; kẻ trần tục ngờ mà không chịu tìm hiểu, ở đời có người thế trí biện thông, chỉ vì công danh cảm dỗ suy nghĩ đua chen từng giây từng phút, đốt dầu nói bác, cặm cụi miệt mài vào Lục kinh, Tứ sử, còn chưa đủ dùng vào việc ứng đối cần kíp trước mắt, làm gì có mấy may thì giờ nhàn dỗi xem đến sách đạo. Hoặc có người thành danh trên đường đồ đạt, vì lo toan đấm đuổi vào công danh, giàu sang mà tâm phóng dật, lại cho việc học đạo là không cần thiết, mờ mịt mà để đấy không học hỏi. Biết đâu ánh sáng có hạn, cái già chết vụt đến, tới lúc nguy khốn mới vội vàng,

Sách ebook này dùng để phục vụ đối tượng sinh viên, học viên cao học, nghiên cứu sinh... và những độc giả chưa có điều kiện mua sách.

Vui lòng không sử dụng file vào mục đích thương mại.

Nếu có khả năng, mời quý độc giả đặt sách giấy để ủng hộ công tác của thư viện.

Chân thành cảm ơn!

THƯ VIỆN HUỆ QUANG

116 Hòa Bình, Hòa Thạnh, Tân Phú, TP. HCM

Website: thuvienhuequang.vn

bấy giờ có hối cũng không sao kịp. Ở đời có đạo lớn, lý cao xa như thế, lại không chịu dòm ngó đến bờ bên của nó, thật rất đáng thẹn với thánh hiền xưa vậy. Đạo đã chẳng nghe tất nhiên phải trôi giạt vào đường sanh nẻo tử, ở lẫn với mọi thú, kẻ ngu muội đành lòng cam chịu, lỗi đó là tại ai ?

Tổ Tung Nhạc Khuê thuyên sư nói : Phật có "*Tam năng, tam bất năng*". Nghĩa là : "Phật có thể không hết thấy mọi tướng, thành tựu trì muôn pháp, mà không thể diệt tận định nghiệp. Phật có thể suốt hết mọi loài quần sinh có giác tính, cùng tận ức kiếp sự, mà không thể hóa độ kẻ vô duyên; Phật có thể độ hết thấy các loài hữu tình mà không thể độ hết các cõi chúng sanh". Đó là Tam Năng, Tam Bất Năng vậy. Nay có người lòng căm căm miệng lắm nhảm, nghe tên Phật dường như giặc thù, thấy chúng tăng coi như rắn rết. Những kẻ như thế ta biết làm thế nào ? Cuối cùng phải đành thôi vậy. Vả lại đức Phật còn không thể hóa độ được kẻ vô duyên, thì ta với kẻ kia biết làm thế nào được ư ?

Những kẻ đàm luận ấy, họ đều cho rằng : Vua Lương Vũ vì thờ Phật nên mới mất nước. Có lẽ vì họ không hiểu Phật Lý thì chưa đủ để nói với họ. Lộc nước ngắn hay dài, số đời trị hay loạn, ta không

cần biết đó vậy. Vua Nghiêu, Vua Thuấn làm bậc thánh nhân mà trị nước chỉ có một đời, rồi lại nhường ngôi cho người khác, chỉ vì đứa con bất hiếu, vậy đứa con bất hiếu ấy là tội tai trời ư ? Từ khi mới bắt đầu cho đến đời vua Hán Minh Đế trở về trước, Phật pháp chưa truyền vào cõi này, quốc gia nhiều khi cũng bị tai nạn, việc ấy như thế nào ?

Ông Trương Yên Công đời Đường chép rằng : Bốn vị công thần triều vua Lương Vũ; đều hiểu biết những sự kiện biến hóa của trời đất, quý thân, rõ như xem chỉ bàn tay. Thái tử Minh Chiêu cũng là đồ đệ của Thánh nhân. Vả lại bậc thánh nhân lấy việc thiên hạ quốc gia làm giềng mối, há không có sự minh định của bậc Tiên giác, lựa chọn những việc nên làm mà chỉ báo cho vua Vũ ? Song, vì do "định nghiệp" cho nên không sao tránh khỏi. Than ôi ! Định nghiệp chẳng nên làm, cũng như không nên vào nước, lửa, khi định nghiệp đã đến thì rõ như bốn mùa không sai khác vậy".

Ngài Sư Tử tôn giá ở cõi Tây, ngài Nhị Tổ đại sư ở cõi này, cũng đều không sao tránh khỏi "định nghiệp". Há phải chỉ có riêng ngài Nhị Tổ và ngài Sư Tử ư ? Như đức Thích Ca Như Lai còn không tránh khỏi báo "*Kim tương, mã mạch*". Huống chi kẻ

phàm phu mới học vậy. Song người Tu là để "sửa đổi điều làm lỗi trước, tu lại điều lành hay sau". Một khi túc nghiệp đã về mình, tất nhiên điều lành sẽ đem lại, há nó lại bỏ ta sao? Nay làm thân người đàn bà, đối với đàn ông thì là kém cõi, muốn thờ Phật để chóng được đổi làm thân đàn ông. Tất nhiên phải đợi hết báo thân này, nguyện lực phải chờ đến đời sau mới được vậy.

Vua Lương Vũ thọ đến chín mươi tuổi chẳng phải là nhiều, bị bệnh mà chết không phải đến nỗi đại ác. Chỉ là bỏ cái thân nhàm dối này. Để hiểu rõ triệu chứng tai họa trước kia, khi bói được "quẻ Càn hào thượng cứu", liền cố chấp cho đó là quý mà vô vị, cao mà không có dân. Vì vậy mới nhún mình để mong cầu tránh khỏi tai họa, hưởng phúc lộc là vua Lương Vũ tự nhàm vậy, chứ có liên can gì đến đức Phật. Vì căn khí của vua Lương Vũ thuộc về hàng Tiểu thừa chỉ chuyên tin về quả báo hữu vi. Cho nên không gặp được giáo pháp Đại Thừa. Vì cố chấp không biết Quyền Biến, và cũng do định nghiệp mới khiến ra như vậy. Bản tâm của Thánh nhân vì thiên hạ đời sau mà lập giáo, đâu phải vì một người mà lập giáo vậy.

Đức Khổng Tử nói : "*Người nhân được sống lâu*" là để khen điều nhân của thầy Nhan Hôi, mà Thầy Nhan Hôi lại chết yếu, há phải lời nói của đức Khổng Tử không có hiệu nghiệm ư ? Song, không phải vì một người mà nói. Vua Lương Vũ thờ Phật cũng giống như làm nhân của thầy Nhan Hôi vậy. Giặc Hậu Cảnh đem quân đến mà đi tập họp các vị Sa môn lại niệm chú Đại Bát Nhã Ba La Mật. Vì quá tin vào nệ tịch nên mới không biết "*quyên nghi thích biến*".

Cũng ví như ông Hướng Hủ nhà Hậu Hán, người Trương Dốc làm loạn, ông Hướng Hủ làm số tâu lên nhà vua, vì ông không muốn cho quốc gia hưng binh, các quan tả, hữu rất nhiều người bài bác, nhưng ông chỉ đem quân đuổi theo, rồi đóng ở trên sông hướng về phía bắc đọc Hiếu Kinh, ông tin rằng giặc tự tiêu diệt. Lại như truyện ông Cái Huân nhà Hậu Hán, niên hiệu Trung Bình năm đầu, ở phía bắc đất Khương Hồ và đất Biên Chương có giặc làm loạn ở đất Lũng Hữu và đất Phù Phong ông Tống Kiêu làm quan thái thú ở đó, lo sợ có nhiều giặc dã, mới bảo ông Huân rằng : Ở đất Lương châu ít người học thuật nên mới có kẻ làm phản luôn luôn, nay tôi muốn viết thật nhiều Hiếu kinh, cho nhà nhà ai nấy học tập, ngõ

hầu, hoặc khiến cho họ hiểu nghĩa. Đó cũng là những việc làm không đúng chỗ, há phải tội ở Hiếu kinh ư? Xét lại những điều đó thì biết rằng nghiệp tiền định của vua Vũ Đế, chẳng phải do đó mà tai họa ngừng thôi, do ở chỗ làm lành mà được giảm bớt, cho nên mới được sống lâu ngàn ấy.

Hằng ngày nhà vua thường đem những việc mất còn, sớm muộn, của xã tắc hỏi tổ Chí Công :

Tổ Chí Công trở vào cỗ mình bảo : Điều sấm đó tượng trưng vào giặc Hậu Cảnh. Khi tổ Chí Công sắp mất, nhà vua lại đem những việc trước kia ra gạn hỏi :

Tổ đáp : "*Tháp của bản tăng hư, thì xã tắc của bệ hạ mới mất*".

Sau khi tổ Chí Công, nhà vua liền ban chiếu chỉ dựng tháp. Tháp dựng vừa xong, vua Vũ Đế chợt nghĩ lại rằng : Tháp làm bằng gỗ chắc không được bao lâu, rồi liền sai người triệt hạ xuống, để xây tháp đá, cốt ý mong sao cho khỏi hư nát. Để ứng nghiệm lời căn dặn trước, khi tháp vừa triệt hạ xong, thì giặc Hậu Cảnh đem binh tới vây đánh. Như vậy bậc Chí nhân há chẳng phải là người biết trước đó ư ?

Như ngài An Thế Cao, ngài Bạch-Pháp-Tổ chẳng quản từ phương xa ngàn dặm, đi đến để tự gieo mình vào tử địa, mong trả xong nghiệp báo xưa kia, vì ngài biết trước rằng không thể tránh khỏi được định nghiệp. Như ông Khuếch Phác nhà Tấn, cũng tự biết mình không sao tránh khỏi định nghiệp. Huống chi là người thức phá hư huyền, coi cái chết như lúc trở về ư? Ví dù có người biết chắc rằng: trước kia mình có nợ mà nay muốn trốn tránh cũng không thể được vậy.

Ông Âu Dương Tu Vĩnh Thúc làm bài bạt "*vạn hồi thân tích*" bi ký rằng: Tục truyền kể đạo sĩ chê đức Lão tử rằng: "Đức Phật là người dùng thần quái, họa phúc, để dọa nạt người đời, khiến họ đều phải tin theo, cho nên Tăng, Ni mới được hưởng sự phong phú. Còn đức Lão Tử của ta chỉ "*cao đàm thanh tịnh*" nên khiến cho bọn ta phải chịu sự đạm bạc". Lời nói đó tuy quê mùa nhưng cũng có thể đủ để xét đoán. Thuyết đó là của ông Vĩnh Thúc vậy. Tuy cũng hơi có chút tài, mà chưa đạt đến chỗ thông phương đại đạo. Chẳng xét đến cội gốc của nó là như thế, những việc thần quái, họa, phúc thời đại nào là không có? Mà lời nói của kẻ nho giả vẫn chỉ hời hợt qua loa vậy. Lại huống chi người học Phật chân

chính, há vì lấy việc no ấm làm chí ư? Bản ý là cầu đạo vô thượng Bồ Đề, đại pháp xuất thế gian vậy.

Vả lại kẻ đạo sĩ cũng là người lìa bỏ cõi tục, nếu thực vì xuất gia cầu đạo thì chẳng lấy việc tịch mịch làm oán giận; còn nếu vì lòng mong cầu no ấm thì không thể cầu đạo xuất ly được. Chẳng nghĩ đến đường đời muôn lối, ở chỗ nào mà chẳng được ư? Hoặc làm quan Tư đồ; hoặc học tập làm thầy thuốc, thầy bói. Trăm công kỹ nghệ như: Buôn bán hàng thịt, quán rượu... đều có thể làm được cả. Bỏ nghề này làm nghề kia, ai nào ngăn cấm?

Vua Thái Tông đời Đường khi mới lên bốn tuổi, nghĩa là chưa đến tuổi đội mũ, đã có thần nhân lại yết kiến nói rằng: "Dáng dấp của loài long, phụng là biểu tượng cho ngày mai, tất sẽ là người tế thế an dân". Quả nhiên về sau ngài dựng nên công nghiệp lớn, thật là một vị vua có đại phúc hữu vi. Thế mà ông Âu Dương Tu là gã thư sinh tu thư nhà Đường, những đem ý riêng của mình ra nói phổng khen, chê làm bậy. Cho vua Thái Tông là một vị chúa trung tài tâm thường, để đời sau cứ theo đó mà phụ họa, không! dám bình luận đến sự sai lầm đó.

Than ôi! Kẻ học giả tùy đời cao thấp, mà riêng ông Âu Dương Tu chuyên được hưởng những điều tốt

đẹp trước kia, thật đáng than thay !

Người chép sử cố nhiên văn phải đúng đắn, và phải xét đoán sự việc, không dối trá, bóng bẩy, không che dấu điều hay lẽ dở, mới gọi là "*Thực lục*". Ông Âu Dương Tu lại là người chép sử vậy. Các bậc công khanh đời Đường rất nhiều người chuộng đạo, họ thường giao du với các vị tăng sĩ. Biết bao nhiêu cơ duyên sự tích, mà ông Âu Dương Tu đều gạt bỏ đi. Đến như những bậc chí sĩ thì chỉ lấy ông Lục Nhất cư sĩ để khen mình là vì lẽ gì ? Lấy ông Lục Nhất cư sĩ để khen mình thì biết là có Phật; biết là có Phật mà chê bai, thì là kẻ hiếu danh dối lòng, há gọi là người "*đoan nhân chính sĩ*" được chăng ?

Nay những kẻ giông giở chê Phật để cầu danh ấy, cũng khá nhiều. Như ông Liễu Tử Hậu nhà Đường, đời đời sách của ông Hàn Thoái Chi, không dùng tự lục để bài xích hai tôn giáo, mà tập sách của Thoái Chi không đáp lại lời sách của Tử Hậu, há chẳng phải ông Thoái Chi biết lời nói đó là chính đáng mà lặng lẽ nghe theo, cho nên mới không dùng lời bình luận để đáp lại.

Đời gần đây ông Vương Phùng Nguyên làm sách bỏ khuyết tâm thường thay ông Phùng Nguyên chỉ là một gã hàn sinh côi cút, có hơn gì bọn siển đề

(bất tín) nhỏ mọn. Ông Thoái Chi há chẳng làm nổi một quyển sách, mà phải đợi đến người sau bổ khuyết, thực là con người không biết tự lượng mình vậy. Song, từ nhà Hán, nhà Đường tới nay, những bậc Đế vương, công hầu tin thờ Phật pháp không biết bao nhiêu, cái hại đó há phải ở Hiền thánh ư ?

Tôi từng bảo ông Âu Dương Tu rằng : Đạo của bậc Tiên vương nói ra là làm cho kẻ thất phu thấy rõ sự tranh giành, dối trá, nay đem dấu những điều hay của người, tìm lấy những điều dở để công kích, thì đúng là kẻ thất phu dối trá vậy. Công luận những việc trong thiên hạ đời sau có thể làm như thế được chăng ?

Thậm tệ thay ! ông Âu Dương Tu là người tự che dấu lỗi mình, lại muốn bưng bít người khác, bưng bít cả thiên hạ đời sau. Nhưng may thay lời nói phỏng riêng tây kia, lan tràn đi mà nó chấm dứt ngay ở nơi người trí giả. Tuy kiến thức của bậc bác cổ thông phương cũng chưa khỏi được sự dụ dỗ nghi hoặc của kẻ thư sinh điên cuồng vội tiến vậy. Những người như thế, nếu cho họ thị cận nhà vua thì nịnh hót vua làm tuyệt chủng Phật tính, mất tuệ mệnh Phật; làm bạn với họ thì họ cho người bạn đó là giặc tự giết mất chân tính. Rong duỗi hư danh thì suốt

đòi bắt quá chỉ làm một kẻ phàm phu thông minh vậy. Đường ác sâu này nó sẽ như thế nào ? Hỡi ông Âu Dương Tu ? Há bảo rằng ở đời lại chẳng có Chí đạo diệu lý đặc biệt mà chỉ có thể thôi ư ?

Cứ bận bịu chải chuốt văn chương vụn vặt, phải chăng chàng Trang Sinh bảo chôn hà bá có nhiều nước, lại chẳng biết còn có bể đại dương nên mới cho đó là đặc chí. Khiến cho người đời nhiều kiếp lâu xa, chẳng được nghe giáo lý của đạo pháp siêu nhiên xuất thế khó gặp, thật chẳng đáng thương lắm sao? Làm ngăn mất đường chính của cõi nhân, cõi thiên, làm lòa mắt mắt chính của cõi nhân cõi thiên, làm lòa mắt mắt chính của cõi nhân cõi kiên làm mờ mất giáo lý nhân quả chân chính, làm ngăn gió thuận Định, Tuệ thì không gì tệ hơn ông Tu vậy.

Tôi từng đọc sách của ông Âu Dương Tu, chỉ thấy ông luôn luôn lo buồn vì cái già, bệnh, nung nấu. Tuy ở chốn giàu sang mà lòng buồn rầu không lúc nào có dáng vui tươi. Xem nguyên nhân ấy đủ biết là chân tình vậy. Bởi vì ông không thông nghiệm rõ được lý tính của nó, cho nên mới phải suy tư.

Vĩ đại thay ! "*Đạo Chân Như Viên, Đốn*" há phải là cảnh giới cho kẻ trượng phu nông cạn lần tránh ư ? Quả báo luân hồi vòng quanh sáu ngã, đều do

tâm mình tạo ra, sự thực không có lý do nào khác. Nếu bảo rằng chôn tam đồ, Lục đạo kia tự nhiên nó có, thì còn gì tệ hơn là tự huỷ bỏ mình vậy. Một khi thân người đã mất, lúc đó có hối cũng không ích gì. *"Vạn pháp trong tam giới không vật nào là không có nhân mà lại có quả! Nếu không nhìn nhận nhân, quả là tự dối tâm; tự dối tâm thì không có chỗ nào là không đến"*.

Gần đây ông Y Xuyên Trình Hiệu cho rằng : Nhà Phật là đạo xuất thế, nhưng chỉ trừ khi nào không hành động ở trên thế giới này mới là xuất thế. Kẻ sĩ đại phu không hiểu uyên nguyên của nó, mà dám bình luận về đạo Phật : những hạng người như thế có khác gì kẻ không biết *"Sắc, Thọ, Tưởng, Hành, Thức là pháp thế gian : Giới, Định, Tuệ, Giải Thoát, Giải Thoát Tri kiến là pháp xuất thế gian"*. Bậc tiên giác học Phật mới thông đạt thành tựu pháp xuất thế gian là xuất thế vậy. Những người học Nho ta vừa mới cập đệ đã bảo đó là cưỡi rồng vin cảnh quế, há phải là cưỡi rồng vin cảnh quế thực ư ?

Đức Phật Tổ ứng hiện ra đời chỉ vì quần sinh, cũng ví như bậc Thánh nhân ở giáo ta, sự kiện tốt hay xấu cùng với nhân dân đều lo ; Năm trăm năm tất sẽ có bậc vương giả xuất hiện. Trong thời gian

đó tất phải có người danh thế, há chẳng phải là hành vi ở trên thế giới ư ? Bậc Siêu nhân vì tự lợi quên đời, đâu phải là ý của Đại thừa thánh nhân vậy ru?

Tuy nhiên như vậy, nhưng thương cho người đời nay kiến thức chẳng kịp với người xưa thật đáng than dài ! Người xưa ra đời như đồng tiền xanh chọn muôn đồng muôn trủng, cắt cành quỳnh thì tác ấy tác khác là ngọc; bẻ gỗ chiêu đàn thì phiến ấy phiến khác đều thơm. Đời nay mất cá lẫn với ngọc châu; cỏ Huân, cỏ Du mọc chung một ruộng, tính giống như dê, da tựa như hổ ấy cũng khá nhiều vậy; dĩ chi đốt cả ngọc thạch.

Người xưa hai ba mươi năm không một phút nào để cho thân tâm tạp dụng, niệm niệm in hợp như gà ấp trứng; tìm thầy hỏi bạn, tâm tâm cùng hợp, ấn ấn cùng chứng. Mài rũa gột rửa láng láng không chút nghi ngờ, dấu vết nấu sáng ở chung đụng với mọi người, đợi khi đạo thơm quả chín chư thánh mới xuất hiện ra, làm thày cỡi trời, cỡi người, nói ra một lời, nửa câu là thấu suốt đời xưa đời nay. Muôn dặm cùng chung một gió, nghìn cỗ xe in hợp một bánh. Kẻ học ngày nay chỉ quen ở nơi tai, miệng, buôn bán đức Như Lai, đội lột sư tử, làm hạnh dã can, nói thì dường như liễu ngộ, khi đối cảnh lại trở

thành mê; việc làm của họ như kẻ thất phu trần tục, mà qua không biết hổ thẹn. Khi làm việc công thì ăn hối lộ, dùng mưu ngấm ngầm để xin nhờ cậy; cướp bóc của thường trụ, giao kết với kẻ quyền thế, làm cho Phật pháp điêu đứng, tất cả đều do nguyên nhân ấy. Làm như vậy, há chẳng thương tâm được sao ?

Tôi từng ưa bản triều ông Vương Phùng Nguyên trước. tác luận Đại Đồng, luận đó nói từ chỗ nông đến chỗ sâu của đạo Nho, đạo Thích. Ví như từ nước Tề một lượt đến nước Lỗ; từ nước Lỗ một lượt đến Đạo, thật là luận chính xác vậy. Cứ xem đây thì đủ hiểu, tôi cho rằng : Chúng sinh vì mê mất chân tính cho nên mới bỏ gốc theo ngọn, đó là bệnh vậy. Lời của ba giáo nói ra để xua đuổi những lỗi lầm là thuốc vậy. "Nhà Nho lấy đó để cầu làm quân tử là trị bệnh bì phu, sách Đạo thì khiến đó giảm bớt, giảm bớt, lại giảm bớt là trị bệnh huyết mạch; đạo Phật thì thẳng trở vào cội gốc chứ không giữ lấy cành lá là trị bệnh cốt tuỷ". Những kẻ không có tín căn tức là bệnh cao manh thì không thể cứu chữa được vậy ?

Nhà Nho nói về Tính, mà nhà Phật nói về chỗ thấy tính; nhà Nho nói về sự lao tâm, mà nhà Phật

nói về chỗ an tâm; nhà Nho nói về sự tham trước, mà nhà Phật nói về sự giải thoát; nhà Nho nói về chỗ hiếu động, mà nhà Phật nói về chỗ thuần tĩnh; nhà Nho thì ham chuộng thế lực, nhà Phật thì cần vong hoại; nhà Nho thì tranh quyền, nhà Phật thì cho tùy duyên; nhà Nho làm về việc hữu vi, nhà Phật thì làm về đạo Vô vi; nhà Nho hay có sự phân biệt, nhà Phật thì coi là bình đẳng; nhà Nho còn ưa về sự ghen ghét, nhà Phật thì tất cả đều là viên dung, như Nho thì mong cầu được trọng vọng, nhà Phật chỉ niệm về khinh an; nhà Nho thì mong cầu danh vọng, nhà Phật chỉ cầu chính đạo; nhà Nho thì tán loạn, nhà Phật thì dùng trí để quán chiếu; nhà Nho sửa trị bề ngoài, nhà Phật sửa trị bên trong; nhà Nho thường hay khoe khoang, nhà Phật thì cần giản dị; nhà Nho thì tiến cầu, nhà Phật thì cần hưu kiệt; chẳng phải bảo rằng nhà Nho không có công, nhưng cũng chỉ do sự động tĩnh bất đồng mà thôi vậy.

Đức Lão Tử nói : "Thường không muốn để xem cái huyền diệu của nó", ví như cái khó yếu nghĩa của nhà Phật.

Ông Đông An Sát nói : "Vô tâm còn cách một trùng quan, hướng chi còn để ý xem cái huyền diệu

ư ?"

Đức lão Tử nói : Không nên thấy sự ham muốn thì khiến tâm không rối loạn, nhà Phật thì dù thấy cái đáng ham muốn, tâm cũng chẳng rối loạn; cho nên mới nói là Lợi, Suy, Hủy, Dự, Xung, Cơ, Khổ và Vui, gió của tám pháp đó thổi, đức Như Lai vẫn không lay động. Ví như gió thổi bốn phía núi Tu Di vậy.

Đức Lão Tử nói : "Chi ý bạc nhược", đức Phật thì "Lập sức nguyên lớn" Đức Lão tử lấy "huyền tần làm linh căn của trời đất", đức Phật thì nói : "*Nếu ai muốn biết cảnh giới của chư Phật, ý phải lâng lâng như hư không, ngoài ra không có một pháp nào kiến lập; pháp còn nên xả hướng chi là phi pháp*". Đức Lão tử thì lấy "sự nắm giữ một chuyên khi biết nó ngừng nghỉ thì không mỏi mệt, chẳng làm mà thành, tuyệt thánh bỏ trí". Mà đạo Phật thì chính là viên giác. "*Tác, Chỉ, Nhệm, Diệt*" bốn bệnh vậy. Họ Lão nói : bỏ cái kia chấp lấy cái này; họ Thích thì tròn trĩnh đồng với thái hư, không thiếu cũng không dư, vốn vì sự, thủ, xả mà lấy chỗ bất như.

Đức lão Tử nói : "Ta có cái vạ lớn vì ta có thân này".

Ngài Văn Thù sư Lợi thì lấy "thân làm dòng giống Như Lai".

Ngài Triệu pháp sư giảng rằng : Kẻ phàm phu chìm đắm vào mọi thú, vì do phiền não ngăn che, khi tiến thì không được vui tịch diệt, khi lui lại sợ phải sinh tử. Bởi vậy mới hay gọt vết trần lao, xa tâm vô thượng; gieo mầm sinh tử, mà nở ra hoa Chính Giác. Song may mắn được làm thân này, hãy nên gắng gỏi tinh tiến, cho được thành tựu đạo quả. Như ở trên cao nguyên, lục địa không mọc được hoa sen, nơi ẩm ướt bùn lầy mới hay phát sinh ra hoa đó. Vì vậy ở trong phiền não mới có chúng sinh phát khởi tâm Phật pháp.

Đức Lão Tử nói : Nhìn mà không thấy thì gọi là Di, lắng mà không nghe thì gọi là Hi.

Đức Phật nói : "Lìa sắc để cầu thấy chẳng phải là Chính kiến, lìa thanh để cầu nghe là tà văn".

Đức Lão Tử nói : Dự : như người lội sông mùa rét. Do : như người sợ chung quanh hàng xóm.

Họ Thích thì nói : Theo dòng nước chảy mà nhận được chân tính, mừng cũng không lo.

Đức Lão Tử nói : Phát ra trí tuệ, tất nhiên có điều đối lớn.

Đức Phật thì nói : Trí tuệ vô ngại, đều do nơi thuyên định phát sinh; vì có trí tuệ mới đến được bờ giác ngộ.

Đức Lão Tử nói : riêng ta như mờ mịt, riêng ta như buồn bực.

Kinh Lăng Nghiêm thì nói : Dùng tướng cực minh là Như Lai.

Ngài Tam Tổ nói : Thấu triệt rõ ràng.

Ngài Đại Trí thì nói : Linh quang tỏ rõ, xa lìa căn trần.

Đức Lão Tử nói : Đạo là sự vật vậy, chỉ hoảng chỉ hốt, xa xôi mờ mịt, mà trong đó rất có tinh vi.

Họ Thích thì nói : Kiến, Đế tỏ ngộ, tự được, tự trọng.

Đức Lão Tử nói : Đạo pháp là tự nhiên.

Kinh Lăng Già cũng nói : "Dùng chỗ hiểu biết của tiên thánh để truyền trao cho nhau".

Đức Lão Tử nói : Vật có tráng thì có già, đó là phi đạo.

Đức Phật thì một niệm quán vô lượng kiếp, không đi, không lại, và cũng không trụ. Vì đạo không có xưa và nay, há còn có tráng với lão : thân huyền

của con người cũng phải già vậy, há cho rằng lúc thiếu thời mới là Đạo : còn lúc già kia không phải là Đạo ư ? Đức Lão tử lấy sự kiên dục để trừ khử binh mà Phật thì cho "tất cả các pháp đều là Phật pháp".

Đức Lão Tử nói : "Khi nói đạo ra thì nó nhạt nhẽo vô vị", mà đức Phật thì nói : "Tin lời nói của ta như người ăn mật, giữa và bên bát đều ngọt".

Đức Lão tử nói : kẻ thượng sĩ nghe đạo chăm chỉ mà thực hành, kẻ trung sĩ nghe đạo thì như còn như mất; còn kẻ hạ sĩ nghe đạo chỉ cả cười. Nếu căn cứ vào trong tông môn ấy, thì kẻ chăm chỉ mà thực hành ấy chính là hạ sĩ, để trở nên kẻ sĩ của hàng thượng sĩ. Căn cứ vào đó mà thay đổi hai câu nói kia, thì lời nói của đức Lão Tử là ngăn đường lấp lối. Còn họ Thích thì nói : Nếu cái gì thuộc về tạo tác tức là bại hoại, chấp đó thì hỏng lại thành trống không. Họ Lão muốn bỏ trí, khiến cho dân lại kết giây mà dùng. Phật thì dùng trí Bát Nhã biến nghiệp thức của chúng sinh làm trí phương tiện. Đồi Danh mà không đồi Thê. Không phải bảo đức Lão Tử là vô đạo, nhưng cũng chỉ do chỗ sâu cạn bất đồng mà thôi.

Tuy rằng kinh điển của ba giáo đều lấy đạo để dạy răn người thế tục, ví như vạc ba chân không thể thiếu một được vậy. Còn nếu căn cứ vào chỗ hành sự của đức Không Tử thì gọi là "*Danh giáo của Quân tử*". Căn cứ vào chỗ hành sự của đức Lão Tử thì gọi là "*Thanh hư Thiên nhân*". Chẳng trái với cõi nhân cõi thiên, thì cũng được lắm vậy. Nếu nói : Đạo là diệt tận mọi sự bận bịu, bản nhiên của nó là "*hoàn toàn thanh tịnh*", thì tôi không dám nghe theo vậy.

Tôi từng dụ đó rằng : Người đọc sách của nhà Nho, cũng ví như người xu phụ vào bếp lửa nóng sẽ chóng được giàu sang. Còn đọc sách Phật thì cũng như người ăn đắng nuốt cay, mà đến chỗ thần tiên. Lúc ban đầu thì như thế này rồi sau lại bất chước như thế kia. Người giàu sang chỉ được no ấm lúc bình thời mà thôi, còn đem so sánh với thần tiên thì ai là người hơn kém đó ư ?

Người học Nho, họ chỉ biết đạo của họ Không thầy Mạnh, rồi đem bài xích đạo Phật, có khác gì muông khuyến nhà ông Thuấn. Nhà ông Thuấn có muông khuyến, ông Nghiêu đi qua cửa nó liền sửa cửa. Như thế không thể bảo ông Thuấn là người tốt, ông Nghiêu là người không tốt. Sở dĩ, hằng ngày nó thường thấy ông Thuấn, mà chưa bao giờ thấy ông

Nghiêu vậy.

Sách Ngô Thư nói : Chúa nhà Ngô là Tôn Quyền, hỏi quan thượng thư lệnh là Hám Trạch rằng : Đức Khổng Khâu và đức Lão Tử có thể sánh ví với Phật được chăng ?

Ông Hám Trạch tâu : Nếu đem họ Khổng và họ Lão so sánh với đức Phật, thì hai họ này kém rất xa. Sở dĩ vì sao ? Vì họ Khổng và họ Lão lập giáo phải tuân theo pháp chế dựng của trời, không dám trái mệnh; còn khi chư Phật nói pháp thì chư thiên phải vâng theo không dám trái lời Phật dạy. Cứ lấy đó mà suy thì thấy rõ không thể so sánh được vậy.

Chúa nhà Ngô nghe nói rồi vui mừng.

Hoặc có người nói rằng không nên đem kinh Phật ra khoe khoang. Người nào học tập tụng đọc được, thì người ấy sẽ được công đức. Song vì họ chưa hiểu lời nói chân thật của chư Phật Như Lai, để tự đắc tự chứng lấy. Suy ngẫm mình mà kinh nghiệm tới người, há phải là nói suông đó sao ?

Các kinh điển nói : "*Dùng vô lượng châu báu đem bố thí, không bằng công đức trì niệm một câu kinh, một bài kệ*". Vì châu báu còn phải trụ vào tướng để bố thí, nó chỉ là phúc báo ở cõi nhân cõi thiên :

Nếu ai hay trì niệm và thực hành đúng như lý thuyết, hoặc ở ngay trong đạo của chư Phật thấy rõ được một lời, thì tâm thông thân hội, kiến tan ngộ mất, hiểu rõ mình và người như một, thông suốt đời xưa và nay như ở trước mắt. Đạo là chính đạo, Giác bằng với Phật giác, thì còn gì hơn thế được ư ?

Nhà Nho há chẳng nói : Làm việc mà không có công, thì Khôn (tên người) 'tôi chưa từng thấy vậy.

Hoặc nói : trước làm học trò, sau mới làm thánh nhân.

Sách Luận Ngữ nói : "*Kẻ học giả là có lợi ở ngay trong đó*".

Kinh Dịch nói : "Những nhà tích góp được điều lành thì tất nhiên được hưởng phúc lành".

Kinh thư nói : "Làm lành thì được điềm lành đưa đến". Đó là lý tất nhiên, đâu phải bậc Thánh nhân ta cần đem lộc đến ban cho phúc lành để khoe khoang với người đời đó sao ?

Hoặc có người nói : Tụng kinh là để hiến quý thân, mà người ta lại đem dùng vào việc cầu an.

Tôi bảo : Chắc ông không nghe nói : "Người bố thí của cải là việc rất khinh, còn người bố thí pháp mới là tối trọng". Bậc Cổ nhân khi sắp phải đi xa,

không cầu xin của cái chỉ cầu xin ban cho một lời để làm ân huệ.

Như ông Yến Tử chỉ khen một câu, mà ông Tê Hầu phải xét lại bản án hình phạt. Một lời nói phải của ông Cảnh Công mà sao Huỳnh, sao Hoặc thoái lui. Kẻ môn đệ của Thánh nhân ta, hoặc có người hỏi về chữ Hiếu; hoặc có người hỏi về chữ Nhân; hoặc hỏi về Chính trị, hỏi về bạn hữu hỏi về sự thờ vua, và hỏi về sự trị nước. Nếu có được điều nào thì việc lành được tăng thêm, và gỡ được những điều làm lỗi, suốt đời làm người quân tử. Đó là mới chỉ bảo cho một câu mà trị thế suốt đời vậy.

Đem so đó thì lời nói chân thành Đại Từ pháp thí của đức Như Lai, cảm thông đến tám bộ Long, Thiên, chấn động khắp mười phương thế giới, hoặc hướng về người nào bảo cho một câu, người đó tâm địa bừng sáng, trong khoảng phút giây tính thiên tỏ rõ, vượt lên ba cõi, thoát khỏi sáu trần, thân tâm thanh tịnh, dứt bỏ nghiệp bận ràng buộc, khế hợp với lẽ Chân-Như, đạt đến chỗ Bản thể, nhập Thánh, siêu phàm, được ý sinh thân, tự nhiên vô ngại, tùy duyên làm chủ, gặp duyên làm tông, trước thì được đạo Bồ Đề, sau mới làm hạnh tế độ. Những pháp ở thế gian có pháp nào hơn được pháp đó chăng ?

Hết thấy các bậc quý thân đều mong thoát khỏi khổ hú, đối với đức Như Lai thì xưng tính thực đàm, vui mừng kính mến, gìn giữ thực là hợp lắm, vậy. Lại huông chi đức Phật là đấng Pháp vương vô thượng, từ nơi kim khẩu nói ra giáo pháp linh văn. Tụng một lượt thì xe pháp làm cho chuyển đất. Quý da soa xướng ở trên không báo cho bốn vị thiên vương biết; bốn vị thiên vương nghe thấy rồi, cứ như thế dần dà chuyển đến cõi Phạm Thiên. Thông cõi u suốt cõi minh, bộ Long, bộ Thần hớn hở, ví như chiếu chỉ nhà vua ban bố ra lan tràn khắp cả cõi hoàn vũ, ai nấy là chẳng vâng theo. Lại huông chi Đức Phật là bậc cha lành của bốn loài, như cha dạy con nỡ nào mà chẳng vâng lời. Công năng tụng kinh ý nghĩa là như vậy.

Trong Thánh giáo nói : "Nếu ai hay trong bảy ngày bảy đêm, tâm không tán loạn, tùy theo việc làm của mình, quyết định sẽ có cảm ứng. Nếu thân hình ngồi yên một chỗ, tâm thần ở khắp mọi nơi, bề ngoài yên tĩnh, bề trong giao động thì chỉ là người tìm hàng đêm chữ, có khác chi là loài cầm mùa xuân kêu ban ngày, côn trùng mùa thu kêu ban đêm. Tuy kêu hàng trăm vạn lượt có ích lợi gì ?

Tôi bảo rằng : Ông Cảnh Cung lạy giếng mà nước trong giếng chảy ra; ông Lô Dương múa kiếm mà mặt trời tụ lại. Đó là do sự chân thành trong chốc lát mà được cảm ứng như thế. Hộông chi kỳ hạn bảy ngày, còn làm cho sự sai biệt khác xa. Mười nghìn con cá được nghe danh hiệu Phật, về sau được làm mười nghìn thiên tử; năm trăm con dơi nhân được nghe giọng pháp âm, sau làm năm trăm vị hiền thánh; loài trần nhân nhờ văn sám hối, mà được sinh lên cõi trời; loài rồng được nghe thuyết pháp mà ngộ đạo; người xưa há nói dối ta ư ?

Ba tạng giáo thừa là Quyên giáo, duy có "*Thực tế lý địa*" mới là chân thực, chỉ có như Phật Thế Tôn mới là pháp Cứu kính. Hết thấy pháp đó đều là chúng sinh mà kiến lập ra vậy. Nay chẳng nương vào quyên giáo để tiếp đất kẻ sơ cơ, lại vội muốn đến chỗ "*Thực tế lý địa*", cũng chẳng khác gì thấy người cầm cung liền nghĩ ngay đến chĩa hươu vậy.

Ngài Thiện Huệ đại sĩ bảo rằng : "*Khi sang qua sông cần phải dùng bè, đến bờ rồi thì không nên dùng thuyền nữa*". Việc đó chẳng phải vậy sao ?

Pháp của Phật để hóa độ cho người đời, rõ như "thanh niên bạch nhật" mà kẻ mê muội không tin. Cũng ví như người mù chẳng thấy ánh sáng của mặt

trời, mặt trăng, há phải lỗi ở mặt trời mặt trăng ư? Đức Phật lập ra nhiều môn phương tiện, tùy cơ duyên nói mà chưa dễ mấy ai đã hiểu thấu được. Kẻ học giả như người tập bắn lâu lâu mới trúng.

Ông Táo Bá đại sĩ nói : "*Tôn tu, Khước bại, Phóng dật, Toàn quai*". Nghĩa là : Kẻ cầu nệ, chấp trước, làm việc thụt lùi hay phóng túng, hoàn toàn là ngang bướng. Bốn điều đó vội vàng cũng không thành, chậm chạp cũng không được. Cần phải lúc nào cũng luôn luôn không ngừng nghỉ, thì chắc chắn cũng không luống bỏ vậy.

Lại nữa, ông Bạch Lạc Thiên hỏi ngài Khoan thuyên sư rằng : "không tu không chứng có gì là khác với kẻ phàm phu ?"

Thuyên sư đáp : "Kẻ phàm phu vì vô minh nên chấp trước vào Nhị thừa, nếu lìa bỏ hai căn bệnh đó thì là Chân tu. Người chân tu không phải cần, cũng không phải quên. Cần thì gần như chấp trước; quên thì sa vào vô minh. Đó là chỗ cốt yếu của tâm, là pháp môn chân thật của kẻ học đạo vậy".

Hoặc có người bảo chú Thí thực của Phật giáo hay biến ít thành nhiều. Như câu : "*Bảy hạt biến khắp mười phương*" lý do có đúng chăng ?

Tôi đáp : không phải vậy. Chắc ông chưa nghe chuyện ông câu Tiên có một bình rượu mà tất cả quân sĩ đều say; ông Loan Ba phun một ngậm rượu mà ở đất Thục Xuyên bị mưa. Một khi tâm linh đã đến thì việc gì cũng ứng nghiệm. Huống chi nhờ sức nguyện rộng lớn của Chư Phật, mà phát khởi ra thiện tâm, thì có gì là nghi ngờ vậy.

Kỳ diệu thay ! sự thấy biết của Phật rộng lớn sâu xa, đầy đủ sáu phép thần thông. Người mới đủ túc mệnh thông, một niệm đã siêu nhập vào nhiều kiếp, người đủ thiên nhãn thông, một chớp mắt đã tràn lan khắp cõi sa giới.

Lại nữa, như ông A Na Luật, là bậc tiểu quả Thanh Văn, mới đủ thiên nhãn thông, còn hay quán sát cả đại thiên thế giới như xem chỉ trong bàn tay. Huống chi đức Phật là bậc đầy đủ lục thông vậy.

Ngài Xá Lợi Phất cũng là hàng tiểu quả Thanh Văn, còn xưng là bậc nhất trong hàng đệ tử, có thể xem căn khí của người đến tám nghìn đại kiếp. Huống chi đức Phật là bậc đầy đủ Chính Biến Tri vậy. Chỉ có sự thấy biết của ngài mới là rộng lớn sâu xa, sự suy tư của kẻ phàm phu làm sao có thể sánh kịp được ư ?

Thử lấy việc nhỏ ví với việc lớn, có người đại thông minh, có người đại ngu dốt. Người đại thông minh thì những sự tích hưng, vong, trị, loạn và lục kinh, tử sử đời thượng cổ, suy luận ra họ có thể hiểu biết được; cùng những việc ở các nước hải ngoại, tuy không đi đến nơi chỉ đọc sách vở cũng có thể hiểu biết. Kẻ ngu dốt thì không hiểu gì cả, đến như những việc ở ngay trước mắt. Như vậy thì sự hiểu biết của kẻ kia làm sao gọi là rộng rãi được.

Nhất là từ sau thời kỳ Phật pháp truyền vào cõi này, thỉnh thoảng lại có bậc thánh nhân xuất hiện ra đời, để phụ dực khắp nơi. Thử xét xem những việc mắt thấy tai nghe của mọi người mà suy luận. Như Bồ Tát Quán Thế Âm thì hiện vào triều vua Văn Tông đời Đường; bậc Đại Thánh nhân xuất hiện ở châu Tứ; triều vua Cao Tông đời Đường; ông phó đại sĩ người ở đất châu Vụ, huyện Nghĩa Ô, ngày mùng một tháng năm năm Đinh Sửu, niên hiệu Kiến Vũ năm thứ tư, nhà Tề. Lúc bình sinh có vị Tăng, ở nước Thiên Trúc, làm hạnh đầu đà lại bảo ông rằng : Ngày xưa tôi với ông cùng phát nguyện ở chốn Đức Phật Tỳ Bà Thi, hiện nay áo bát còn để trên cung trời Đâu Xuất, và ngày nào chúng ta sẽ trở về? Rồi lại bảo Đại sĩ đi tới suối nước nhìn xem hình

bóng, thì quả nhiên thấy có tám báu tròn sáng che trên.

Đại sĩ nói : "Việc độ sinh là cần cấp, còn phải nghĩ gì đến vui thú ở cõi trời kia được ư ? Trong khi hành đạo ông thường thấy đức Thích Ca, đức Kim Túc và đức Định Quang, ba đức Như Lai phóng hào quang toả khắp nơi mình ở. Ông Trương Vạn Hồi Pháp Vân, ở đất Văn Hương, châu Quách, sinh ngày mùng năm tháng năm, niên hiệu Chính Quán, đời Đường năm thứ sáu. Có người anh tên là Vạn Niên, đi diệt giặc ở đất Tả Liêu đã lâu ngày, đường xa cách hàng muôn dặm, bà mẹ là người họ Trình hằng ngày mong mỏi tin tức. Ông biết vậy, một buổi sớm mai ông liền xin phép mẹ ra đi, đến tối đã đem thư của người anh trở về.

Ngài Phong Can thuyên sư, ngày thường cười hở ra vào; ông hàn Sơn Thập Đắc vì đó mà làm người thị giả; ngài Bồ Đại hoà thượng ở đất Phụng Hóa, châu Minh, ngôi mà thị tịch, ở chùa Nhạc Lâm, về sau lại hiện ra ở châu khác; Tổ Chí Công thuyên sư, niên hiệu Thái Thủy nhà Tống năm đầu, ngài là giống dõi họ Tống, ở đất Kim Thành, bao ngày không ăn mà hình dung vẫn không mỏi mệt, lời ngài nói ra rất là linh ứng; về thời ông Thạch Lặc nhà Tấn,

trong bàn tay ông Phật Đồ Trưng có ánh sáng chiếu xa nghìn dặm; ngài Phổ Hoa ở châu Trấn, khi sắp mất thì ở trên hư không rung lệnh; ngài Đặng ẩn Phong, ở núi Ngũ Đài, gặp quan quân giao chiến với ông Ngô nguyên Tế, ngài liền chống gậy nương trên hư không đi qua, thì quân ở hai bên đều tản mát : tổ Nguyên Khuê thuyên sư thị giới cho vua Tung Nhạc; tổ Ngưỡng Sơn tiểu Thích Ca, có các vị La Hán lại tham học, và thụ giới cho nhị vương.

Những người như ông Phá Táo Đọa... đều hay chứng quả quý thân. Tổ Đạt Ma đại sư thọ một trăm hơn năm mươi tuổi, ngài thị tịch vào niên hiệu Thái Hoà năm thứ mười chín, đời vua Minh Đế nhà Hậu Ngụy, an táng ở núi Hằng Nhĩ, sau ba năm ông T.ig Vân nhà ngụy, phụng chiếu chỉ đi sứ sang nước Tây Vực, khi ông trở về gặp ngài ở núi Thông Lĩnh mang một chiếc giày đi về phương tây. Về sau vua Hiếu Trang nghe lời tâu, đào mã lên xem quả nhiên thấy có một chiếc giày. Ngài Văn Thù Sư Lợi, sau khi Phật diệt độ bốn trăm năm, mà hiện còn ở chốn nhân gian. Núi Thiên Thai, núi Nam Nhạc là nơi cư trú của các bậc La Hán, để ứng cúng cho cõi trời, cõi người, và thường hằng hiển rõ thánh tích. Vị chủ ở động Nam An thuộc Châu Định, có rất nhiều linh dị.

Tổ Thiện Giác thuyết sư ở chùa Hoa Lâm Châu Đàm; ngài Nghiêm Dương tôn giả ở chùa Tân Hưng, đất Vũ Ninh, đều dùng hổ làm người hầu hạ. Tổ Đạo Tuyên luật sư, trì luật rất tinh nghiêm, nên cảm hóa được người con ông Tỳ Sa Môn làm thân hộ giới; mượn được răng đức Phật ở trên cõi trời, mà hiện nay còn ở cõi nhân gian. Vua Thái Tông hoàng đế khi mới lên ngôi cực phẩm, nhân được xem ngọc xá lợi đựng ở trong bình thủy tinh, óng ánh từng điểm như ngọc sương rơi. Vì vậy vua thái Bình làm bài ngự chế rằng :

Đại sĩ Thích Ca Văn,

Hư không bằng hạt bụi.

Câu gì đều cảm ứng,

Phân thân khắp mười phương.

Ngọc chiếu nghìn vòng sáng,

Kim cương trăm luyện thành.

Con nay cung kính lễ,

Nguyện khắp giúp quần sinh.

Hoàng đế biết tôi là người hay tin Phật, mà từng vì tôi luận bàn mọi việc. Như ở trên kia là trích ra những chỗ các vị Bồ Tát, Thánh nhân đều là người

học Phật vậy.

Tôi bảo rằng : Nếu khiến đức Phật có mấy may tâm dối, làm sao mà nhiếp phục được các bậc Thánh nhân đầy đủ thần thông diệu lực.

Họ Thích còn có những vị như : ngài Di Thiên Đạo An, Ngài Đông Lâm Tuệ Viễn, ngài sinh Triệu Dung Duệ, ngài Trần Tuệ Vinh, ngài Tuỳ Pháp Hiền, ngài Lương Pháp Vân, ngài Trí Văn, các ngài này đều làm nhật ký đến vài muôn lời, khi giảng diên thì hoa trời giải khắp toà ngời, đá trơ gặt đầu... cũng há phải là người thường đó ư ?

Như ông Lý trưởng giả, ông Bàng cư sĩ chẳng phải là đồ đệ thánh nhân ư ? Ông Tôn Tư yếu câu viết kinh Hoa Nghiêm, lại thỉnh Chư Tăng tụng kinh Pháp Hoa. Ông Lã Động Tân tham thuyên và thết trai dâng cúng. Những người đó đều là thần tiên, há họ lại chịu làm những việc dối trá vô ích ấy sao ? Huống nay kẻ phàm phu lại dám giông giỡ chê bai.

Những lời Đức Phật nói ra dù sư dù lý, có quyền, có thực. Hoặc nói nửa lời, hoặc nói cả câu dù Tiêm, dù Đôn, đều có sự mau le chính đáng. Nếu người không có đầy đủ tín căn vị tạt không khong nhắm lẫn. Cũng ví như nhà nho ta chẳng bảo lời nói của

Đức Khổng tử là "Quái lực loạn thân" mà trong kinh Xuân Thu thì lời thiết thạch với nhà Tấn; thân giáng ở nhà Tân.

Kinh dịch nói : "*Thấy lợn đội bùn dơ, chớ quý một xe*", chẳng phải là việc thân quái đó ư ?

Thầy Mạnh Tử không nói Lợi mà lại nói Thiện để dạy dỗ cho người dân được của cải. Với nhà Tống thì hướng về tất cả bạc vàng, chẳng phải là Lợi đó ư ? Song lời nói của Thánh nhân từ chỗ Quyền hợp với chỗ Biền ; tuy rằng trái nhau mà vẫn hợp với lẽ Đạo. Câu nói trước, sau tuy có sai khác, mà sự nghị luận đều hướng về chỗ Thánh nhân vậy !

Những người đồng chí hướng, thật may mắn thay ! Nhờ lời vàng của Phật tổ nói ra, tỉnh về mở xem kỹ lưỡng, đều do nơi lòng tin chân thành mãi mãi mà tự chứng được. Nhưng sợ rằng không thành thật thì người trong thiên hạ chê cho đó là trái, mà ta thì lại muốn đính chính. Đúng như lời thầy Mạnh Tử nói : "*Một châu ở đất Tiếc há phải là của riêng vua Tống đó ư ? Mà ta thì lại khác, chỉ muốn lấy lợi công để diệt lợi tư. Tự xử lấy mình để buộc người phải được trang nghiêm. Biết có đạo Vô Thượng Bồ Đề nên tự cho nó đều là kho gia bảo. Lòng diên cuồng tự khô kiệt, tâm thù thắng được trong sáng, chẳng*

phải do nơi người khác mới được, thì hà tất ta phải lo sợ gì vậy.

Về đời vua Huệ Đế nhà Tấn, ông Vương Phù tâm giả kinh Hóa Hồ, song vì ông không biết rằng: Đứa Phật giáng sinh về đời vua Chiêu Vương, nhà Chu, năm thứ hai mươi bốn, Ngài tịch diệt vào đời vua Mục Vương năm thứ năm mươi hai. Trái qua mười sáu đời vua như : vua Cung, vua Uý, vua Hiếu, vua Di, vua Lệ, vua Tuyên, vua U, vua Bình, vua Hoàn, vua Trang, vua Hi, vua Huệ, vua Tương, vua Khoảnh, vua Khuông, vua Định. Sau khi diệt độ hai trăm bốn mươi hai năm, đến đời vua Định Vương năm thứ ba đức Lão Tử mới giáng sinh. Khi qua đất Lưu Sa, thì Phật Pháp đã truyền bá khắp cõi Thiên Trúc, và các nước lân cận. Hơn ba trăm năm thiên hạ đã thấy biết rõ ràng, há phải đợi đến đức lão Tử mới có kinh Hóa Hồ ư ?

Ông Lã Hạ Khanh làm bài bạt kinh Bá Sư rằng: *"Kẻ tiểu nhân không biết sợ hình phạt của địa ngục, chỉ sợ sự thê thảm của địa ngục"*. Tuy lúc sống lạy đó dề dối đời, lúc chết cũng chẳng khỏi sa vào địa ngục. Nay sao lại có kẻ gian hùng khí nóng bùng bùng, đủ để làm cho người đời đồ thán, mà trái lại họ không dám làm; vì họ sợ có sự báo ứng của địa

ngục sau này không thể tránh khỏi. Nếu khiến người trong thiên hạ sự việc không có lớn, nhỏ là vì lẽ có nhân quả để so sánh, cho nên họ chẳng dám tự dối lòng mình, mà hộ niệm chúng sanh khéo léo. Như vậy thì làm gì còn có những thói tranh giành cướp đoạt, thì há chẳng dùng đến hình thố mà làm cho đời cực thịnh trị ư? Còn bảo rằng đức Phật là người vô ích đối với thiên hạ thì ta không thể tin được vậy.

Tin thực thay! Đường lên cõi trời con người phải lấy việc phúc thiện làm đầu; trong bể sinh tử phải lấy tu Đạo làm việc cần cấp. Nay chỉ muốn được khoái lạc ở cõi trời, cõi người, mà chẳng chịu làm việc phúc lành; muốn ra khỏi bể khổ sinh tử mà Đạo chẳng minh, thì có khác gì chim không cánh mà lại muốn bay, cây không rễ lại muốn tươi tốt, thì làm sao được ư?

Từ xưa tới nay người được hưởng năm phúc lành. há chẳng phải phúc báo là gì? Người chịu cực khổ ở trong sáu đường chẳng phải ác báo là gì? Tất cả sự kiện đó đều do việc làm đời quá khứ, mà đời nay phải chịu quả báo, há chẳng tin vậy thay?

Hoặc có người nói: "Thuyết thiên đường chỉ là giả tạo, thuyết địa ngục cũng là không thực".

Làm sao lại ngu đến như thế ? Đức Phật nói về lục đạo là cõi trời, cõi người, ngã quỷ và súc sinh; bốn cõi đó thật rõ ràng ai cũng đều biết, duy có cõi A-tu-la và cõi địa ngục hai cõi này không thể dùng con mắt thịt của kẻ phàm phu mà thấy được, há phải là nói dối đó sao ?

Ngay như những việc quý thần quái gỡ đời nào là không có, cũng còn ghi chép ở trong sử, truyện, há phải không có sự thấy nghe của tai, mắt ? Du người ngu si đến đâu cũng biết điều đó là có. Người đời phần nhiều họ tin ở cái này, lại ngờ ở cái kia. Những người như thế có khác gì hàng ngày họ đếm mười mà không biết hai năm là bao nhiêu. Vậy có thể bảo họ là người hiền được chăng ?

Có người đồng liêu với tôi từng bảo tôi rằng Đức Phật răn cấm người đời không ăn thịt cá, như vậy chẳng phải là xa vời lắm ư ?

Nay xin cùng ông để luận thứ việc đó cho rõ. như gà gáy sớm, mèo bắt chuột, trâu cày ruộng, ngựa thay bước người đi, chó giữ nhà không giết thịt thì phải lắm vậy. Còn các loài như : lợn, dê, vịt, ngỗng... và những loài thủy tộc... chỉ là những vật để cung cấp cho nơi nhà bếp, nếu vì giữ giới bắt sát thì nó sinh sản nhiều ra rất có hại, mà cứ để y nguyên do

chẳng ăn thịt sao ?

Tôi bảo không phải như vậy, vì ông chưa hiểu rõ về Phật lý, nay tôi xin nói sơ qua để ông hiểu rõ, về việc thiện, ác báo ứng, chỉ có đức Phật dùng chân Thiên nhãn, Túc mệnh thông mới biết rõ được. Nay người đi trên đường ác chẳng ngừng, chìm đắm mãi trong tam đồ, lục đạo, thì có gì là hay là phải. Hết thấy chúng sinh ăn thịt lẫn nhau; có vay tất nhiên có trả, há chẳng rõ lắm ru ?

Hơn nữa, có những loài chúng sinh to lớn như: cá kình cá ngao, sư tử, ba ba, cá côn, chim bằng. những chúng sinh thân hình nhỏ bé như: ruồi, muỗi, dán, nhện, sâu, kiến... Tuy thân hình khác nhau, nhưng cũng đầy đủ một thể tính. Con người là vật tối linh, cũng chỉ là riêng một loài, nếu không hay "*tích thiện minh đức, thức tâm kiến đạo*", cứ buông lung đem lòng thị dục làm nhiệm vụ, tạo nên biết bao ác nghiệp tập khí, thì bỗng chốc thời gian vài ba mươi năm, lại trở lại làm các loài kia có khác gì?

Vả lại như loài chim Ca-lâu-la vương, khi xòe cánh ra rộng ba trăm ba mươi sáu vạn dặm, loài A-tu-la khi vươn mình lên dài tám vạn bốn nghìn do tuần. Dem hai thân hình loài kia mà so sánh với người thì thân này thật chẳng có mấy may giá trị,

làm sao có thể dùng mưu mô, mách lới sai khiến loài kia ? Đem tâm thức tối linh để dối gạt những loài nhỏ bé chẳng linh, đánh lòng giông giở làm việc sát hại chúng ư ?

Ví như lao ngục ở cõi thế gian chỉ để trừng trị những người có tội, còn những người vô can thì tự thấy mình chẳng dự gì vào việc đó. Người Trí giả song chẳng nói. Việc thiết lập thành, đô, quận, huyện đặt tiệt thết quan vào lúc nhân dôi, chẳng nên bỏ giở công việc bộn bề làm hai ba đoạn, để đi đến chốn náo nhiệt kia cùng nhau thù tạc. Nay tuy chúng sinh là vô tận, đường ác còn lờ mờ, nếu không có sự oan dối tức là tự được giải thoát, lại còn nghi ngờ gì nữa? Nếu có người nào chăm chỉ tu hành thì quyết định được đạo Vô Thượng Chính Đẳng Bồ Đề: nếu lại cứ ăn thịt uống huyết chúng sinh thì không có lý nào như thế. Chỉ có những người cai bang, trị ấp và những kẻ giàu sang ấy mới lại áp dụng thông phương một chiều.

Ngày xưa ông Lục Cẩng đại phu hỏi ngài Nam Tuyên rằng : Đệ tử ăn thịt là phải hay không ăn thịt là phải ?

Ngài Nam Tuyên đáp : Ăn là lộc của đại phu, không ăn là phúc của đại phu.

Lại như vua Văn Đế nhà Tống, cầu kiến ngài Na-Bạt-Ma rằng : Cô rất lấy làm thẹn hổ, vì thân phải làm việc nước; tuy muốn ăn trai giữ giới bát sát, mà không thể làm được như pháp.

Ngài Bạt-Ma đáp : "*Sự tu hành của bậc Đế vương đối với kẻ thất phu có sai khác. Bậc Đế vương ban ra một lời chính đáng thì khiến cho thần nhân hoà vui; khi thần nhân hoà vui thì gió điều mưa thuận; khi gió điều mưa thuận thì vạn vật đều do đó nảy nở. Đó là trì trai và cũng là trì trai rất mực vậy. Lấy đó làm bát sát thì đức lớn vậy, hà tất phải thôi bỏ toàn mạng muông cầm của bữa cơm trưa vậy ru ?*"

Nhà vua vô bàn khen rằng : "Kẻ tục xa lý thì mê, ông Tăng gân giáo thì chấp" ! Nếu như lời ngài nói thì thật là chỗ "*Đạt Đạo*" trong thiên hạ, có thể làm chỗ bình luận thực tế cho cõi nhân, cõi thiên. Lấy đó để suy luận những bậc đế vương, công hầu, có ân đức lớn để hun đúc cho thiên hạ ấy thì cũng nên vậy. Những nhà sĩ thứ tế tự mùa xuân mùa thu dùng đó làm thời tiết còn nên sám hối. Huống chi kẻ đầu tròn áo vuông nương vào giới luật của Phật, hưởng thụ của tín thí, lại theo thói trần tục, uống rượu, ăn thịt; Chẳng những để người đời khinh chê,

mà lại trái với lẽ trời, dưới lớp ca sa bỏ mất thân mình, đó mới là cực khổ, nữ nào chẳng suy xét vậy ư ?

Nhà Nho ta thì chẳng đoạn bỏ giới sát sinh, chẳng răn cấm ăn thịt uống rượu, với giới Đạo thì chỉ nói trộm cắp là những kẻ khinh thường lời dạy bảo mà thôi, với giới Dâm thì chỉ nói : chưa thấy ai hiếu đức bằng hiếu sắc. Như vậy làm sao có thể khiến cho người ta chẳng phạm được sao ?

Giáo lý của Phật nêu rõ điều thiện bỏ những điều ác, rõ ràng thâm thiết. Nói về Địa ngục là để hiểu rõ quả báo rất nghiêm minh, thế mà kẻ nham hiểm cường bạo vẫn không chừa bỏ tâm dối trá, huống chi lại không cảnh giác. Song năm giới chỉ là dấu vết thô sơ để giữ mình, là bước đầu của kẻ tu hành. Nếu muốn lên cao tất nhiên phải đi từ chỗ thấp; muốn đi xa tất nhiên phải đi từ chỗ gần, người cầu đạo chứng thánh lúc ban sơ cũng chẳng do đó mà bước vào ư ? Rồi sau mới đến chỗ "*Bỏ tư lự, bất thiện, ác, Chân, Vọng viên dung, Thánh, phạm đồng nhất, đơn truyền tâm ấn*" của đạo. Lại chẳng phải cần đến giấy mực để hình dung, mà chỉ biện luận bằng miệng lưỡi. Văn chương rợp trời chỉ là hư danh, thế lực, danh vọng động trời chỉ là tập nghiệp. Nếu

đem so với phép Định, Tuệ sửa trị sẵn có của Thần minh. Làm người có độ lượng hơn, vượt hẳn ra ngoài ba cõi, thì ai được nhiều hơn vậy ?

Kẻ học trò, người làm ruộng, kẻ làm thợ, người đi buôn đều phân công mỗi người một nghề. Kẻ nghèo người giàu, kẻ sống lâu, người chết yếu, nghiệp tiền định do nó đặt ra. Phật pháp dù mất ta có ích gì ? Phật pháp dù còn ta có hại gì ?" Công danh tài lộc nó vẫn liên hệ với mình, không phải ở chỗ chê Phật mà được : "Vinh sang lợi đạt" cũng do ở thời, không phải ở chỗ báng Phật mà nó đến. Trong khoảng nhất thời đem lòng chẳng tốt làm càn vạ miệng, chẳng những là vô ích, mà còn phải chịu hậu họa như thế nào ? Người trí giả phải nên thận trọng, kẻ cuồng ngu mới làm giống giỡ. Sự báo ứng hơn, kém trong sáu đường đã phân chia rành rẽ, chứ không phải tài gì tôi vậy.

Đều xin mong mọi những ai có chí, hãy mau mau xa lánh chỗ mê, trở về chỗ Giác, đồng đến đạo Cứu kính, há chẳng phải là tận Thiện, tận Mỹ ư ?

Hoặc có kẻ tính tình giáo giở ăn sâu vào lòng họ, tất họ chẳng chịu nhận lời nói phải, thì tôi cũng đành không thể thương được vậy.

Sách ebook này dùng để phục vụ đối tượng sinh viên, học viên cao học, nghiên cứu sinh... và những độc giả chưa có điều kiện mua sách.

Vui lòng không sử dụng file vào mục đích thương mại.

Nếu có khả năng, mời quý độc giả đặt sách giấy để ủng hộ công tác của thư viện.

Chân thành cảm ơn!

THƯ VIỆN HUỆ QUANG

116 Hòa Bình, Hòa Thạnh, Tân Phú, TP. HCM

Website: thuvienhuequang.vn